



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



Hà Nội, tháng 04/2016

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP 2016	1
I. NHỮNG THÀNH TỰU DAG ĐẠT ĐƯỢC	1
II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2010-2015	9
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	10
I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	10
II. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	12
III. SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	16
IV. CƠ CẤU CỔ ĐỒNG.....	19
V. LĨNH VỰC KINH DOANH	22
VI. CÁC DÒNG SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY	22
VII. TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ KINH DOANH.....	27
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
I. THÀNH PHẦN CỦA HĐQT	28
II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2015	28
III. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2016.....	30
BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH	33
I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015	33
II. CÁC THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2015:	34
III. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2016.....	35
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	38

THÔNGIỆP 2016

Kính thưa quý vị Cổ đông và các khách hàng thân thiết của DAG.

Sau 15 năm hình thành và phát triển, Tập đoàn Nhựa Đông Á đã sở hữu thương hiệu DAG nổi tiếng, gia nhập nhóm doanh nghiệp nghìn tỷ. DAG hiện có 3 công ty thành viên và 3 nhà máy hiện đại, với tổng diện tích nhà xưởng sản xuất hơn 10ha, hơn 500 cán bộ công nhân viên, bước đầu thành công trong việc sản xuất và kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất như : Tấm ốp trần, cửa nhựa, cửa uPVC có lõi thép gia cường, cửa nhôm, bạt Hi-Flex; tấm PP, mica...

Với mạng lưới 61 Đại lý cấp 1 và hàng trăm cửa hàng rộng khắp Toàn quốc, sản xuất và kinh doanh gần 100 mã sản phẩm. Sản phẩm của DAG đã chinh phục người tiêu dùng Việt Nam và đã tiến tới có mặt tại các thị trường các nước trong khu vực.

Có được kết quả ngày hôm nay, DAG vô cùng biết ơn sự quan tâm của Các ban ngành trung ương và địa phương, Các quý vị cổ đông, các nhà đầu tư, nhà phân phối, đại lý và các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, đã cùng DAG đồng hành, chung một con đường, chung một tương lai, trong suốt 15 năm qua.

Thành công hôm nay của DAG, là quyết tâm cống hiến hết mình, làm việc đến cùng của nhiều thế hệ cán bộ nhân viên và bước đầu đã hình thành một DAG phát triển tại Việt Nam đang từng bước khẳng định tên tuổi tại thị trường quốc tế.

Trong giai đoạn phát triển tiếp theo DAG đặt mục tiêu:

Thứ nhất: DAG trở thành Tập đoàn có doanh thu trên 3 nghìn tỷ đồng vào năm 2020 và tham vọng sẽ tích lũy để đủ khả năng đầu tư vươn ra thị trường quốc tế.

Thứ hai: DAG sẽ luôn kiên trì theo đuổi các giá trị cốt lõi xây dựng

Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng,

Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả,

Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn,

Lấy uy tín để mưu cầu phát triển .

Thứ ba: DAG phấn đấu duy trì tỷ lệ tăng trưởng doanh thu lợi nhuận bình quân hàng năm 30%, thu nhập của người lao động không ngừng được cải thiện, văn hóa doanh nghiệp ngày càng được bồi đắp giá trị doanh nghiệp ngày càng được nâng cao.

Thứ tư: Quá trình phát triển DAG sẽ luôn khẳng định niềm tin về việc một doanh nghiệp vừa và nhỏ luôn kề vai sát cánh cùng đối tác, quý khách hàng, có khát vọng vươn xa, có chiến lược đúng đắn thì hoàn toàn có thể tăng trưởng nhanh, bền vững để trở thành một doanh nghiệp lớn.

Thời cơ luôn đến với DAG và tất cả các Quý vị, Chúng ta tiếp tục đồng hành và sát cánh hơn nữa, để xây dựng sự nghiệp cùng DAG ngày càng thành công hơn.

Một lần nữa, cho phép tôi thay mặt DAG, xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Quý vị cổ đông, toàn thể cán bộ công nhân viên, các đối tác chiến lược, các nhà cung cấp trong nước và quốc tế, các nhà phân phối, các đại lý và toàn thể khách hàng đã tạo mọi điều kiện để cùng DAG phát triển.

I. Những thành tựu DAG đạt được

- ❖ Huân chương lao động Hạng Ba

- ❖ Bằng khen Thủ tướng chính phủ, tặng cho ông Nguyễn Bá Hùng - Chủ tịch Tập đoàn Nhựa Đông Á.
- ❖ Cờ thi đua của UBND Thành phố Hà Nội
- ❖ Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tặng cho Tập đoàn Nhựa Đông Á và Chủ tịch Nguyễn Bá Hùng
- ❖ Thương hiệu mạnh Việt Nam;
- ❖ Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất Lượng cao
- ❖ Top 100 doanh nghiệp trẻ tiêu biểu Việt Nam
- ❖ Doanh nhân tiêu biểu khối doanh nghiệp địa phương
- ❖ Chứng nhận sản phẩm chủ lực của thành phố Hà Nội
- ❖ Thương hiệu Kinh tế đối ngoại uy tín
- ❖ Bằng khen của Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế
- ❖ Cúp vàng Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam
- ❖ Cúp vàng của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- ❖ Cúp vàng Thương hiệu mạnh Tại Hội chợ triển lãm Quốc tế Xây dựng Vietbuild
- ❖ Cúp vàng Vtopbuild cho sản phẩm tấm ốp nhôm DAG Alu
- ❖ Huy chương vàng cho sản phẩm Mica và PP
- ❖ Chứng nhận " Gian hàng đẹp, quy mô, ấn tượng" do BTC triển lãm Quốc tế Vietbuild Thành phố Hồ Chí Minh tháng 9/2012 trao tặng.
- ❖ Bằng khen của Sở Công nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam, UBND Thành phố Hà Nội, Giải thưởng liên hiệp thanh niên Việt Nam;



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG Ba

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Thành phố Hà Nội

*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc*

Quyết định số: 1882/QĐ-CTN ngày 05 tháng 08 năm 2014
Vào sổ vàng số: 12

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2014

CHỦ TỊCH

Trương Tấn Sang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẶNG

BẰNG KHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Thành phố Hà Nội

*Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2008 đến năm 2010,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

Quyết định số: 772/QĐ/TTg ngày 24 tháng 05 năm 2011

Bảng số: 1

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2011

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG

BẰNG KHEN

Ông **NGUYỄN BÁ HÙNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á, thành phố Hà Nội

*Đã có thành tích trong công tác từ năm 2006 đến năm 2010,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

Quyết định số: 1823 QĐ/TTg ngày 20 tháng 10 năm 2011

Bằng số: 25

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2011

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TẶNG
BẰNG KHEN

Ông Nguyễn Bá Hùng

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn nhựa Đông Á

LÀ DOANH NHÂN TIÊU BIỂU KHỎI DOANH NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2013

CHỦ TỊCH



[Signature]
TS. Vũ Tiến Lộc

Theo Quyết định số: 2517 /PTM - TĐKT
Đã ghi vào sổ số: 0581





Certificate

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
DAG

Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2014
Vietnam Excellent Brand 2014

Được Ban biên tập, độc giả Thời báo Kinh tế Việt Nam tín nhiệm và lựa chọn
Honored and recognized by The Vietnam Economic Times' Editorial Board and readers



Tổng Biên Tập/Editor in Chief



Hà Nội, 21/3/2015

Prof. Dao Nguyen Cat

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN

HỘI DOANH NGHIỆP HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

ĐẠT DANH HIỆU

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 2015
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

NGÀNH HÀNG

NGÀNH NHỰA CÔNG NGHIỆP

TP.HCM, ngày 05 tháng 02 năm 2015

TM.BAN CHẤP HÀNH HỘI DN HVNCLC

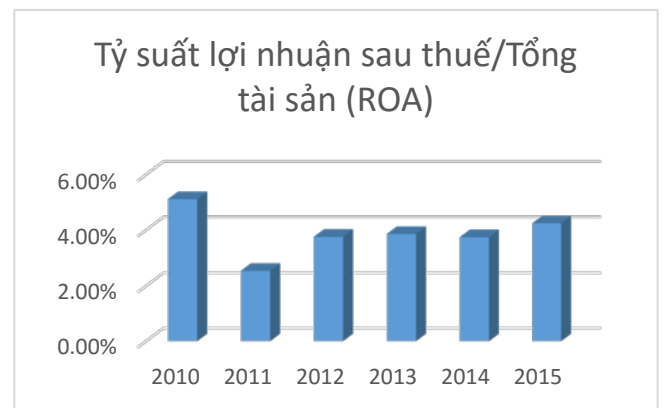
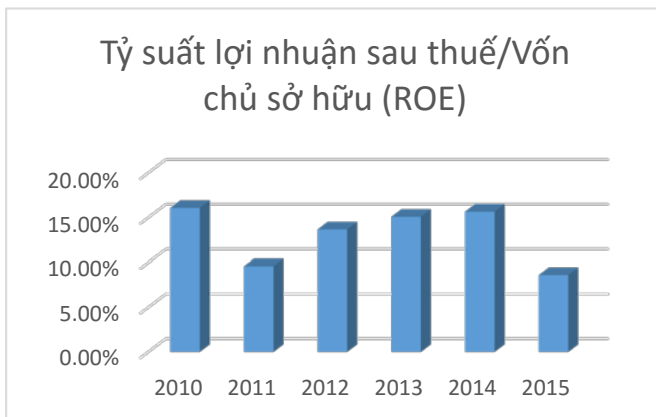
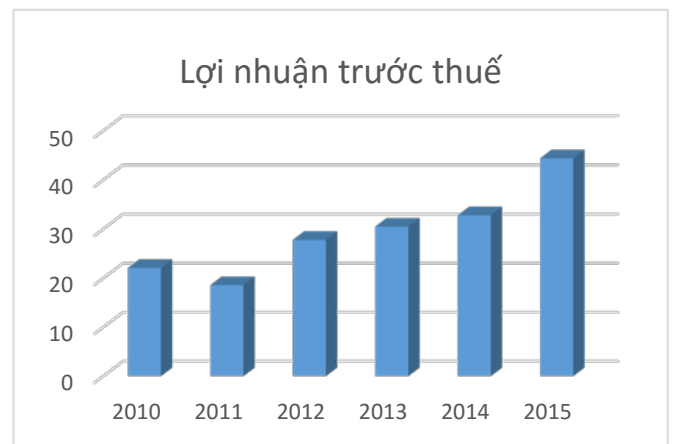
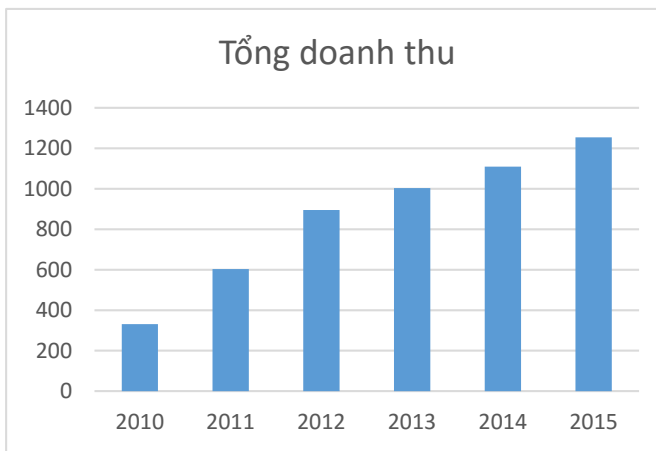
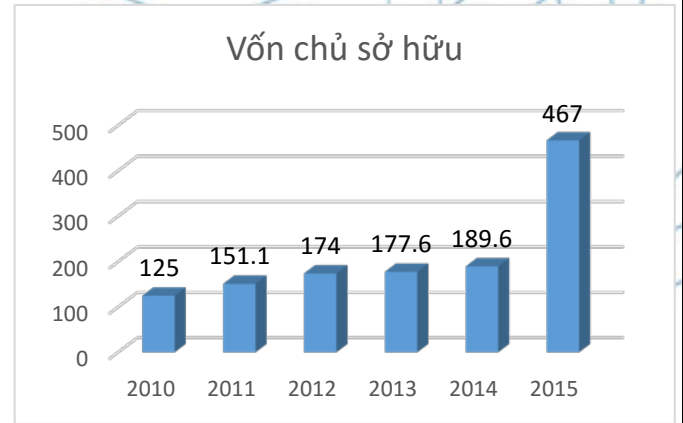
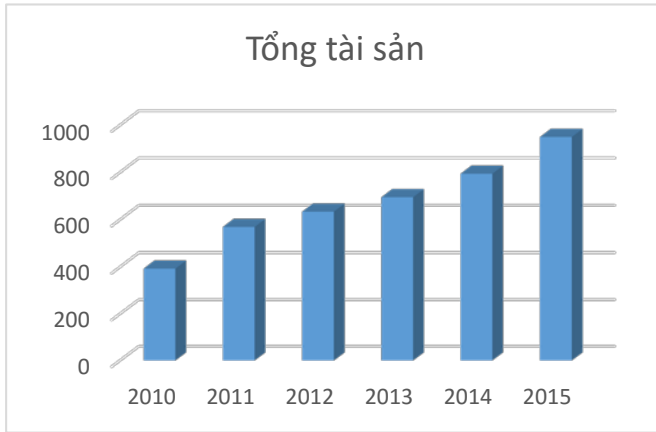
CHỦ TỊCH



Vũ Kim Hạnh
VŨ KIM HẠNH

SỐ: 187/2015-GCN-HVNCLC

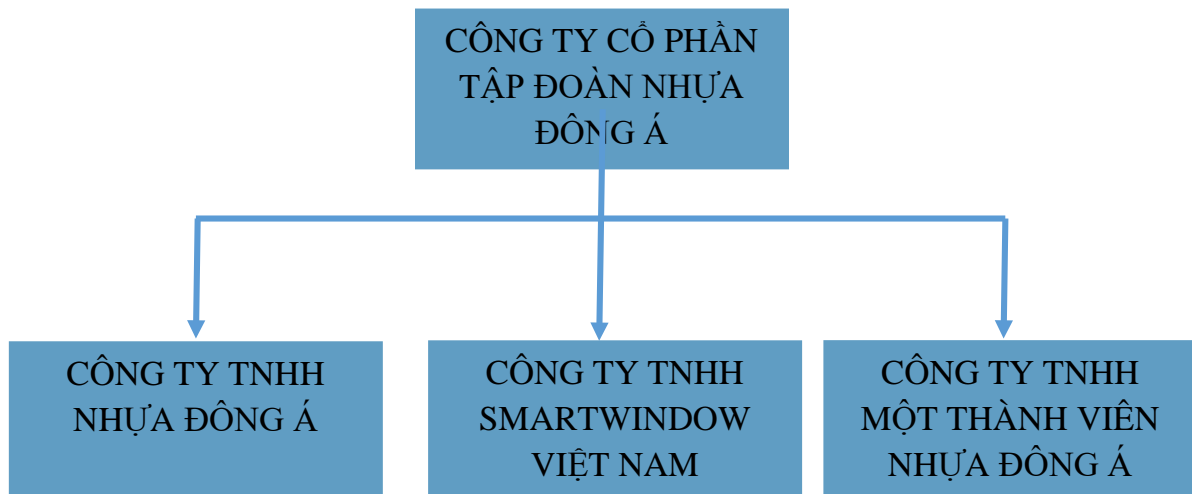
II. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2010-2015



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

I. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con. Trong đó công ty mẹ quản lý vốn góp tại các Công ty con, công ty liên kết. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:



❖ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Tầng 9, Tháp Tây- Tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội.

Chức năng nhiệm vụ: Thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu trong mối quan hệ với công ty thành viên theo quy định tương ứng của pháp luật có liên quan. Quản lý vốn góp và hoạt động tại các Công ty con. Lựa chọn và quyết định lĩnh vực, hình thức đầu tư và kinh doanh vốn theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm hiệu quả, khả năng sinh lời và phù hợp với quy định của pháp luật. Xây dựng, duy trì và kiểm soát các hoạt động chung của tập đoàn. Nhập khẩu và phân phối các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất, quảng cáo.

❖ **Công ty TNHH Nhựa Đông Á**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo như: hạt nhựa, cửa nhựa, tấm trần ốp, tấm trần thả, thanh Profile, bạt Hi-Flex, tấm PP Công nghiệp, tấm mica, tấm nhôm composite, nẹp trang trí...
Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

❖ **Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam**

Địa chỉ: Khu CN Ngọc Hồi Thanh Trì, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất cửa nhựa uPVC có lõi thép gia cường hiệu; cửa hợp kim nhôm - vách kính dựng nhãn hiệu Smartwindow, Smartdoor và là nhà kho liên hoàn kinh doanh hàng sản xuất của Nhựa Đông Á Hà Nam và hàng nhập khẩu.
Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

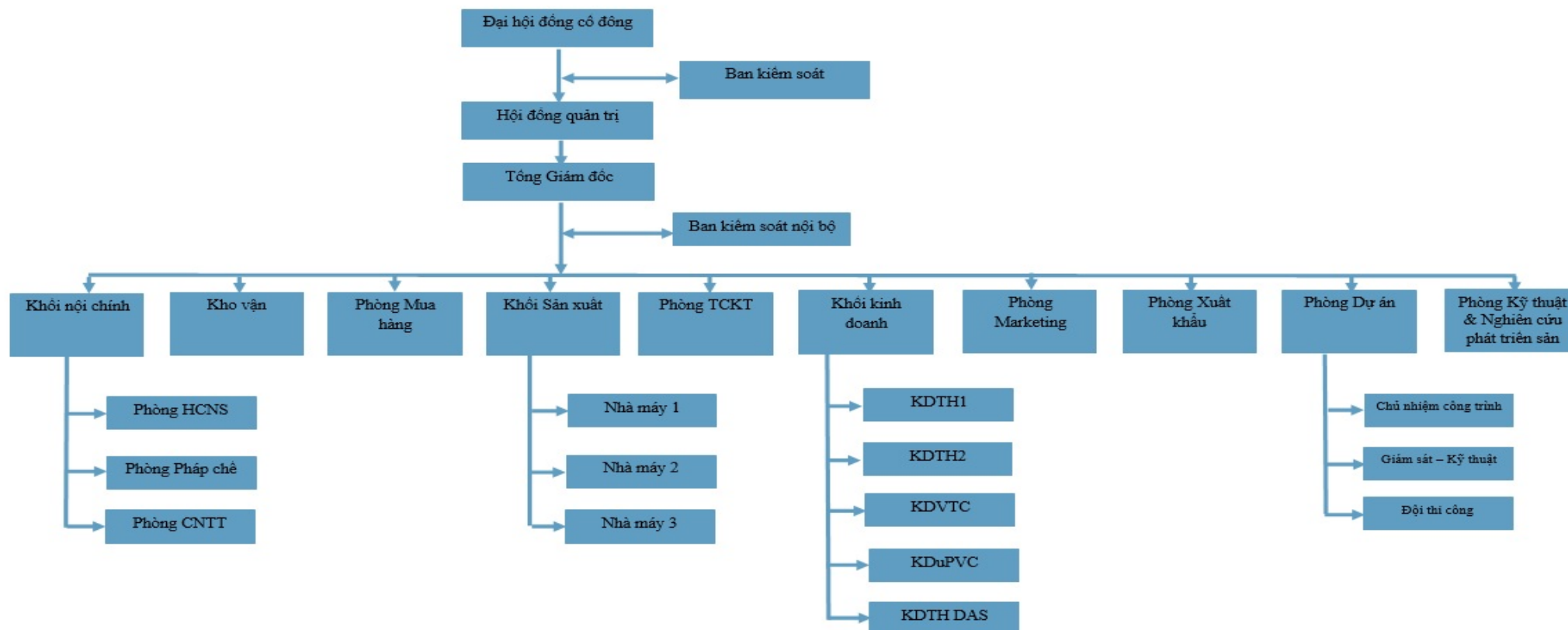
❖ **Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất kinh doanh, các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và quảng cáo.
Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

II. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được cơ cấu và tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý như dưới đây:

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á



1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm giám đốc điều hành;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 5 năm, thành viên Hội đồng quản trị được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức chi trả cổ tức;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 năm.

4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch và các nghị quyết, quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua, tuân thủ các quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ là 3 năm.

Hiện tại, bộ máy hoạt động của Công ty được tổ chức gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả. Công ty có một Tổng Giám đốc Điều hành và các phòng ban sau đây:

5. Ban Kiểm soát nội bộ

- Kiểm toán nội bộ
- Kiểm toán toàn bộ các hoạt động của các bộ phận phòng ban, các đơn vị trực thuộc trong Công ty tuân thủ theo các Quy Chế, quy định hoạt động nội bộ và theo các quy định của Pháp luật;
- Giám sát, đánh giá tính tuân thủ theo hệ thống của toàn bộ Công ty.
- Đại diện lãnh đạo
- Đảm bảo việc thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của Công ty;
- Xây dựng và giám sát việc thực hiện các mục tiêu chất lượng của Công ty;
- Tổ chức đánh giá chất lượng nội bộ quản lý chất lượng của Công ty;
- Giúp Ban Tổng Giám đốc điều phối các hoạt động quản lý chất lượng với các tổ chức bên ngoài và các bộ phận trong Công ty. Xem xét và xử lý những vấn đề không phù hợp theo yêu cầu của hệ thống Quản lý chất lượng;
- Báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng và các yêu cầu về cải tiến;
- Thúc đẩy toàn bộ Công ty nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và việc đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng

6. Khối Nội chính

a. Phòng Hành Chính – Nhân sự:

Chịu trách nhiệm hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động về công tác tổ chức cán bộ, nhân sự, tiền lương, thi đua khen thưởng, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động; Công tác quản trị hành chính của Công ty. Tổ chức, xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp của toàn Tập đoàn.

b. Phòng Pháp chế

Tổ chức cập nhật, lưu trữ và cung cấp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của toàn Tập đoàn cho các Phòng/Ban, Công ty thành viên; Định kỳ đề xuất tổ chức tuyên truyền các quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn theo chỉ đạo chung; Hỗ trợ về mặt pháp lý cho các phòng ban khi có yêu cầu theo quy định, trong quá trình thực hiện các quy định và pháp luật của Tập đoàn; Đại diện theo ủy quyền tiến hành làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về mọi hoạt động pháp lý của Tập đoàn;

c. Phòng Công nghệ thông tin

Tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc triển khai sử dụng các máy móc, phần mềm trong lĩnh vực tin học. Phụ trách và kiểm soát hệ thống tin học trong toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thông suốt, liên tục và ổn định để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin, dữ liệu; Triển khai và thực hiện các cơ chế bảo mật hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo tính an toàn và bí mật kinh doanh của Công ty.

7. Khối Kho vận

Quản lý và bảo quản các kho hàng, bảo quản và quản lý hàng hóa và phương tiện vận chuyển. Thực hiện việc xuất nhập hàng hóa, vật tư nguyên liệu, thiết bị phụ tùng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và lệnh sản xuất. Kiểm soát và thực hiện việc vận chuyển giao hàng hóa

cho khách hàng theo yêu cầu tiêu thụ và giao hàng của các đơn vị bán hàng tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015

8. Phòng Mua hàng

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch nhập nguyên vật liệu đầu vào, đảm bảo cung ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Trực tiếp triển khai kế hoạch cung ứng vật tư nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất và cung ứng hàng hóa phục vụ kinh doanh;
- Điều phối nguyên vật liệu, hàng hóa giữa các công ty con;
- Thống kê và phân tích sự biến động giá nguyên vật liệu hàng tháng, quý, năm cũng như các yếu tố có thể ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu vào như nhu cầu nguyên vật liệu trên thế giới, giá xăng dầu, các vấn đề chính trị... để đưa ra những dự báo về tình hình biến động của giá nguyên vật liệu trong tương lai gần; kết hợp với thu thập thông tin hoạt động ngành ở phạm vi trong nước, khu vực và thế giới để có những kế hoạch sản xuất phù hợp kịp thời đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.

9. Khối sản xuất

Tổ chức, lập kế hoạch và triển khai thực hiện sản xuất các sản phẩm của công ty đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Kiểm soát, quản lý, đảm bảo chất lượng của hệ thống sản xuất và sản phẩm. Quản lý nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm. Quản lý máy móc, trang thiết bị sản xuất, bảo trì, bảo dưỡng; cải tiến kỹ thuật máy móc, thiết bị.

10. Phòng Tài chính-Kế toán

- Quản lý và tổ chức thực hiện hệ thống tài chính, kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật
- Lập báo cáo hợp nhất từ các công ty con và tư vấn các chính sách về cơ cấu vốn, chính sách đầu tư, chính sách nguồn vốn cho Tổng Giám đốc Tập đoàn;
- Xây dựng hệ thống lập ngân sách tài chính và dự báo tài chính cho tập đoàn trong từng giai đoạn phát triển;
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị về chính sách cổ đông, cổ tức;
- Điều hòa các kế hoạch về yêu cầu tài chính với vị trí Tập đoàn trên thị trường tín dụng và cơ cấu vốn của Tập đoàn;

11. Khối Kinh doanh

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh bán hàng. Lập kế hoạch kinh doanh tiêu thụ hàng năm của toàn Công ty cho từng dòng sản phẩm. Thực hiện kế hoạch tiêu thụ hàng tháng, kiểm soát việc đặt hàng, thực hiện kiểm soát quá trình bán hàng và đáp ứng yêu cầu khách hàng thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.
- Đối với phòng kinh doanh tổng hợp 1 (sản phẩm truyền thống) : Có trách nhiệm quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa trong ngành xây dựng và trang trí bao gồm: Hạt nhựa, Tấm ốp trần, trần thả, tấm nhôm composite, nẹp trang trí...
- Đối với phòng kinh doanh sản phẩm tổng hợp 2 (sản phẩm mới): Có trách nhiệm quản lý và kinh doanh các sản phẩm trong ngành trang trí nội ngoại thất và quảng cáo; Bạt

Hiflex, tấm mica (PS), tấm PP và các sản phẩm được nhập khẩu từ Đài Loan, Trung Quốc bao gồm: Đè can, simili, giấy dán kính, fomex...

- Đối với phòng kinh doanh vật tư ngành cửa uPVC có lõi thép gia cường ; Profile uPVC, gioăng, kim khí phụ kiện, lõi thép, vật tư phụ....
- Đối với phòng kinh doanh sản phẩm Smartwindow: Có trách nhiệm quản lý và kinh doanh các sản phẩm trong ngành xây dựng bao gồm: cửa uPVC có lõi thép gia cường, cửa hợp kim nhôm vách kính dựng....
- Đối với kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh: kinh doanh các mặt hàng do DAG sản xuất và nhập khẩu phân phối các sản phẩm vật liệu quảng cáo.

12. Phòng Marketing

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tiếp thị sản phẩm và phát triển thị trường;
- Duy trì và phát triển hình ảnh thương hiệu trên thị trường;
- Phân tích đánh giá hiện trạng, triển vọng quan hệ cung cầu sản phẩm trên thị trường, xu thế giá cả trong và ngoài nước;
- Điều tra nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin thị hiếu khách hàng và tìm hiểu các đối thủ cạnh tranh, từ đó tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác xây dựng và phát triển thương hiệu cũng như phát triển thị trường.

13. Phòng xuất khẩu:

Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về hoạt động xuất nhập khẩu . Lập kế hoạch xuất khẩu hàng năm của Công ty, thị trường xuất khẩu, thông lệ Quốc tế, lập kế hoạch nhập khẩu các máy móc, thiết bị theo kế hoạch của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu, kiểm soát quá trình giao hàng và đáp ứng yêu cầu khách hàng tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015. Quản lý và lưu trữ các hồ sơ nhập khẩu liên quan.

14. Phòng dự án

Quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện, thi công và giám sát các dự án của khách hàng và đối tác mà công ty làm nhà thầu. Quản lý vật tư, hàng hóa tại công trình. Đảm bảo an toàn lao động tại công trình. Công tác quản lý chất lượng công trình, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Chủ trì và phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện và hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, thanh quyết toán công trình theo đúng quy định.

15. Phòng kỹ thuật và nghiên cứu sản phẩm mới

- Quản lý kỹ thuật, công nghệ toàn Công ty, theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất, nghiên cứu các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về thiết bị, công nghệ ở các nhà máy, nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới, các dự án đầu tư, cố vấn cho khách hàng các vấn đề về kỹ thuật, lập các hồ sơ kỹ thuật cho từng sản phẩm được đặt hàng, thực hiện kiểm soát quá trình kiểm nghiệm, thử nghiệm, quá trình sản xuất và sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.
- Nghiên cứu và thiết kế các mẫu mã sản phẩm mới, mẫu mã bao gói sản phẩm toàn Công ty, nghiên cứu và quản lý các mẫu markette đã và đang được trình duyệt. Tham mưu và kiểm soát tính pháp lý của các mẫu mã, nhãn hiệu hàng hóa.

III. Số lượng CBNV và chính sách đối với người lao động

1. Số lượng Cán bộ - Công nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2015, DAG có tổng cộng 490 CB-CNV. Trong đó tỷ lệ CB-CNV tốt nghiệp Đại học, trên Đại học đạt 30% và tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề bậc 4/7 đạt 60% tổng số lao động phổ thông tại các KCN. Dự kiến, năm 2016, DAG tăng trưởng thêm 5% số lượng CBNV bổ sung cho tất cả các lĩnh vực của toàn tập đoàn,

2. Chính sách, chế độ đối với người lao động

Một trong những trọng tâm phát triển của DAG là thu hút, đào tạo và tạo sự gắn kết lâu dài của CB-CNV với Công ty. Trên cơ sở đó, DAG thực hiện những chính sách đào tạo và các chế độ khen thưởng, phụ cấp ... dựa trên mô tả công việc, chú trọng áp dụng các kiến thức, kinh nghiệm, thực hành thực tế phối hợp với hệ thống phân loại, hệ thống đánh giá CB-CNV một cách đồng bộ và bài bản.

Tổ chức thăm dò tín nhiệm đội ngũ kế thừa các cấp để tạo nguồn nhân sự kế thừa một cách kịp thời.

3. Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong các công tác nhân sự hàng đầu của DAG. Chính sách đào tạo của DAG có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, thành thạo về nghiệp vụ trong sản xuất – kinh doanh, giữ gìn đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

Mỗi cá nhân CB-CNV làm việc tại DAG đều có cơ hội tiếp cận với các khóa đào tạo về tay nghề và bồi dưỡng kiến thức theo quy định của Công ty. Ngoài ra, trong từng thời kỳ, DAG đều cử chức và đài thọ chi phí cho các khóa đào tạo ngắn/dài hạn hướng tới nâng cao năng lực và đào tạo chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng thời kỳ đổi mới và phát triển.

4. Công tác thi đua, sáng kiến cải tiến

+ Công tác thi đua hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức thành 3 đợt trong năm. Thi đua giữa cá nhân với cá nhân, giữa các tổ đội sản xuất, giữa các bộ phận với nhau nhằm hoàn thành trước kế hoạch được giao

+ Thường xuyên tổ chức những thi đua đưa ra các sáng kiến cải tiến tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sức lao động dù là nhỏ nhất, và có những động viên khích lệ kịp thời.

+ Trong năm, Tập đoàn còn tổ chức cuộc thi tìm hiểu về thương hiệu DAG, về các thương hiệu sản phẩm nhằm gắn kết người lao động với công ty.

5. Công tác đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất

Trong năm DAG đã đưa chuẩn chương trình bảo đảm an toàn sản xuất áp dụng đồng bộ cho 3 nhà máy

+ Tổ chức huấn luyện cho hơn 380 người về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất

+ Huấn luyện và đào tạo về công tác sơ cứu, cấp cứu

+ Huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy.

+ Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, các trang thiết bị bảo hộ cho người lao động tại các nhà máy.

6. Chính sách lương, thưởng

Duy trì ổn định mức thu nhập và công việc làm đối với gần 500 CBCNV trong năm qua là mục tiêu quan trọng của DAG. Ngoài ra, DAG đảm bảo chế độ khen thưởng cho CBCNV theo quy định của Luật lao động và tổ chức nhiều phong trào phát động thi đua trong toàn hệ

thông. Hàng năm, DAG đều đặn tổ chức sơ kết, tổng kết thi đua nhằm khen thưởng kịp thời CBCNV có thành tích xuất sắc

7. Phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, DAG còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết nguyên đán, 30/4, 08/03, 20/10 ...), bảo hiểm thân thể 100% cho đội ngũ lắp đặt, tổ chức bếp ăn tập thể tại các nhà máy sản xuất và bảo hộ lao động cho hệ thống công nhân sản xuất.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân viên, đặc biệt là cán bộ nữ.

Song song đó, DAG định kỳ đều tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: tổ chức giao lưu văn nghệ, tham quan, nghỉ mát, tổ chức các hoạt động hè cho con em CBCNV ... nhằm gắn kết các cá nhân trong hệ thống và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBCNV.

IV. Cơ cấu cổ đông

1. Tỷ lệ cổ đông sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	21.608.023	54,17	3	1	2
	- Trong nước	21.608.023	54,17	3	1	2
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	23.583.971	59,12	3	2	1
	- Trong nước	23.583.971	59,12	3	2	1
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	16.285.067	40,82	1421	25	1396
	- Trong nước	15.385.456	38,57	1405	21	1384
	- Nước ngoài	899.611	2,26	16	4	12
TỔNG CỘNG		39.890.000	100	1425	27	1398
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		<i>38.990.389</i>	<i>97,74</i>	<i>1409</i>	<i>23</i>	<i>1386</i>
<i>- Nước ngoài</i>		<i>899.611</i>	<i>2,26</i>	<i>16</i>	<i>4</i>	<i>12</i>

2. Loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Cổ đông đặc biệt	22.483.513	56,36
1. Hội đồng quản trị	22.483.513	56,36
2. Ban Giám đốc	12.032.268	30,16
3. Ban kiểm soát	0	0
4. Giám đốc tài chính	0	0
5. Kế toán trưởng/ Giám đốc tài chính	0	0
6. Người được ủy quyền CBTT	0	0
II. Cổ phiếu quỹ	210	0
III. Công đoàn Công ty	0	0
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)		
V. Cổ đông khác		
1. Trong nước	17.141.916	42,97
1.1 Cá nhân	13.503.581	33,85
1.2 Tổ chức	3.638.335	9,12
• Trong đó Nhà nước:	0	
2. Nước ngoài	264.361	0,66
2.1 Cá nhân	46.401	0,12
2.2 Tổ chức	217.960	0,55
TỔNG CỘNG:	39.890.000	100

3. Cổ đông đặc biệt:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
A. Cổ đông nhà nước					0	0
B. Cổ đông lớn						
1	Nguyễn Bá Hùng			41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	12.032.268	30,16
2	Công ty TNHH TMDV Hùng Phát			41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	9.554.793	23,95
3	Quỹ MB Capital			Tầng 8, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	1.996.910	5,01
Tổng Cộng B					23.583.971	59,12
C. Cổ đông chiến lược						
1	Japan South East Asia Growth Fund L.P			C/o Maples Corporate Services Limited PO BOX 309, Ugland House, Grand Cayman Islands KY1-1104	635.250	1,59
2	Công ty cổ phần đầu tư F.I.T			Tầng 16, tòa nhà Center Building (Hapulico Complex) số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	1.237.500	3,1
Tổng Cộng C					1.872.750	4,69
D. Cổ đông sáng lập						
1	Nguyễn Bá Hùng			41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	12.032.268	30,16
2	Nguyễn Thị Tính			175 Bạch Đằng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	20,962	0,05
3	Công ty TNHH TMDV Hùng Phát			41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	9.554.793	23,95
Tổng Cộng D					21.608.023	54,17
Tổng Cộng (A+B+C+D)					25.477.683	63,87

V. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lĩnh vực sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa:

- ❖ Sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- ❖ Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- ❖ Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- ❖ Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- ❖ Kinh doanh bất động sản, nhà ở;
- ❖ Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- ❖ Kinh doanh phương tiện vận tải, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải;
- ❖ Gia công cơ khí & Đầu tư xây dựng nhà ở;

VI. Các dòng sản phẩm chính của công ty

Sản phẩm chính của Công ty Nhựa Đông Á chủ yếu là các sản phẩm nhựa PVC, PE, PP, PS... với hơn 100 loại sản phẩm các loại được chia thành 8 nhóm sản phẩm chính:

- ❖ Hạt nhựa PVC, Tấm ốp trần, Nẹp trang trí..
- ❖ Smartwidow, Smartdoor: Cửa uPVC có lõi thép gia cường, Cửa nhôm vách kính dựng.
- ❖ Thanh Profile uPVC
- ❖ Bạt Hiflex.
- ❖ Tấm nhôm composite.
- ❖ Tấm PP công nghiệp
- ❖ Tấm mica PS và sản phẩm thương mại.

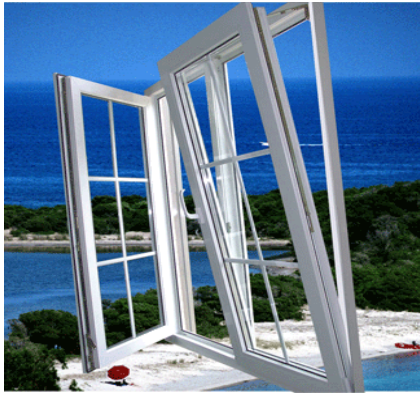
Chi tiết về từng nhóm sản phẩm như sau:

- ❖ **Sản phẩm truyền thống:** Tấm ốp trần, cửa nhựa và nẹp trang trí...



Nhóm sản phẩm tấm ốp trần, cửa nhựa, nẹp trang trí phục vụ trong các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp hiện nay là sản phẩm truyền thống của Công ty từ những ngày đầu hoạt động. Các loại sản phẩm này đa dạng và phong phú về chủng loại, bao gồm: tấm ốp trần sản xuất theo công nghệ Đài Loan với kích thước tiêu chuẩn 6000mm*200mm*8mm, đặc biệt sản xuất chiều dài theo yêu cầu của dự án; sản phẩm tấm trần thả với kích thước 600m*600m*8mm và 1200m*600m*8mm; cửa nhựa với kích thước tiêu chuẩn 750mm*1900mm và có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng. Sản phẩm tấm ốp trần, cửa nhựa và nẹp trang trí ngày càng được sử dụng nhiều trong cuộc sống nhờ những tính năng nổi trội như: dễ thi công, dễ vận chuyển, nhẹ và đàn hồi, dễ bảo trì, giá thành rẻ, chi phí lắp đặt thấp, màu sắc đa dạng và phong phú...

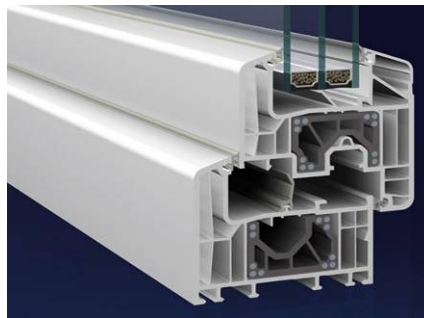
- ❖ **Sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường (Smartwidow)**



Từ năm 2003, Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu về sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường - sản phẩm được sử dụng rộng rãi tại các nước Châu Âu. Năm 2005, sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường của Nhựa Đông Á mang nhãn hiệu SmartWindows chính thức xâm nhập thị trường, và tới cuối năm 2008, sản phẩm đã chiếm 25% doanh thu của Công ty. Cấu tạo của cửa nhựa SmartWindows gồm các cấu kiện như sau: thanh Profile, kim khí phụ kiện, và vật tư phụ. Trong đó, thanh Profile (vật liệu tổng hợp uPVC kết hợp với chất phụ gia – chống lão hóa, chịu va đập, chống cháy...) là thành phần chủ yếu của cửa SmartWindows.

Các tính năng nổi bật của sản phẩm cửa uPVC là cách âm, cách nhiệt, không bị mối mọt, không cong vênh co ngót, chống lão hóa, chống cháy và có tính chịu va đập cao, không bị ôxi hóa, không bạc màu, thiết kế khoa học và thuận tiện trong quá trình thi công, dễ lau chùi và bảo quản, không phải tu dưỡng định kỳ, có độ bền cao, duy trì chất lượng sử dụng cao trong thời gian dài, đặc biệt góp phần thiết thực bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho bản thân và cộng đồng.

❖ Sản phẩm thanh uPVC Profile



Trong những năm đầu, Công ty chưa thể trực tiếp sản xuất thanh Profile, do đó vẫn phải nhập khẩu ở một số nước như Đức và Trung Quốc. Sau gần 2 năm nhập khẩu thanh Profile và nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thị trường, năm 2007 Công ty đầu tư sản xuất và là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực sản xuất thanh Profile uPVC tại Việt Nam.

Sản phẩm Sea Profile là sản phẩm được sử dụng trong lĩnh vực chế tạo các loại cửa uPVC thay thế các loại gỗ với đặc tính cách âm, cách nhiệt, không bị mối mọt, không cong vênh co ngót biến dạng do tác động của môi trường, chống cháy, chống lão hóa, có tính chịu va đập cao, không bị ôxi hóa, không bạc màu, có độ bóng và độ bền cao dễ lau chùi bảo quản.

Đến năm 2012, công ty nhập khẩu 10 dây chuyền đùn Kraussmaffei của Germany và hệ thống trộn của Plasmec Italia giúp tiết kiệm được thời gian, chi phí sản xuất và tạo ra sản phẩm bền

đẹp làm nguyên liệu cho ngành cửa uPVC có lõi thép gia cường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng chất lượng cao trên toàn quốc và đạt phù hợp tiêu chuẩn Châu Âu BSEN 12608 với nhãn hiệu SHIDE PROFILE, công xuất hàng chục nghìn tấn /năm. Sản phẩm có khả năng chống lão hóa dưới tác dụng của tia cực tím nên có thời gian sử dụng lâu hơn sản phẩm khác cùng loại trên thị trường cũng như sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc.

Hiện nay, công ty đã và đang đầu tư thêm nhà xưởng gần 20.000 m² với 30 dây chuyền hàng đầu của Châu Âu sản xuất thanh Profile nâng tổng công suất sản xuất thanh Profile lên 50.000 tấn/năm.

❖ Sản phẩm tấm PP công nghiệp (Danpla)



Sản phẩm tấm PP được sản xuất từ nguyên liệu ngoại nhập và các phụ gia được sản xuất theo công nghệ ép đùn tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao bao gồm tấm phẳng, màu sắc tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng. Sản phẩm có độ bền kéo rất tốt.

Sản phẩm được dùng làm vật liệu trong ngành xây dựng, trang trí nội thất, bao bì công nghiệp và các vật liệu quảng cáo. Với năng lực sản xuất hơn 2.000 tấn nhựa/ năm, Công ty Nhựa Đông Á luôn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

❖ Sản phẩm bạt Hiflex



Đầu 2009, Công ty bắt đầu triển khai dự án sản xuất Bạt Hiflex với công suất thiết kế khoảng 10 triệu m²/năm.

Sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu PVC kết hợp sợi tổng hợp. Đặc biệt kết hợp loại sợi tổng hợp chậm cháy, chống thấm.

Sản phẩm bạt Hiflex của DAG được sản xuất bằng công nghệ hiện đại của Đức có thể kết hợp 3 công nghệ cán – tráng – ghép.

Sản phẩm này phục vụ cho ngành quảng cáo, ngành công nghiệp và dân dụng như mái hiên mái che không gian lớn cho các nhà ga hàng không, nhà xe, sân vận động, máy phao, thuyền... với đặc tính dẻo, dai có độ bền cao và có thể in trực tiếp lên bề mặt. Trước khi sản xuất, Công ty cũng tham gia kinh doanh thương mại bằng cách nhập khẩu từ Trung Quốc và là nhà phân phối lớn nhất phía Bắc.

❖ Tấm nhôm composite



Tấm lợp nhôm composite được Công ty đầu tư sản xuất trong năm 2011 với công nghệ tự động mới nhất của Đài Loan đạt độ đồng nhất cao về độ dày, thành phần nên có độ dẻo cao, chịu được lực uốn cong và căng kéo giúp thuận lợi cho thi công và thiết kế. Trong quá trình sản xuất, sản phẩm được bổ sung thành phần phụ gia chống cháy giúp công trình chống cháy và thích nghi với điều kiện khí hậu nắng nóng, bảo vệ tài sản, sức khỏe con người.

❖ Tấm mica (PS)

Sản phẩm tấm mica (PS) được sản xuất từ nguyên liệu ngoại nhập polystyren được sản xuất theo công nghệ ép đùn tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao bao gồm tấm phẳng được tạo vân hoặc màu sắc tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng. Sản phẩm có khả năng chống lão hóa dưới tác dụng của tia cực tím nên có thời gian sử dụng lâu hơn sản phẩm khác cùng loại trên thị trường.

Sản phẩm được dùng làm vật liệu trong ngành trang trí nội thất và các vật liệu quảng cáo. Năng lực sản xuất của Công ty đạt hơn 1.500 tấn nhựa/ năm.



❖ Nhóm sản phẩm Khác



Nhóm sản phẩm thương mại chủ yếu do Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á thực hiện.

Với chiến lược phát triển kinh doanh theo chiều sâu, rộng, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước ngày càng tăng và phục vụ cho xuất khẩu, ngoài các sản phẩm chủ lực, Công ty cũng chú trọng tới các sản phẩm thương mại; các sản phẩm vật liệu trang trí nội thất và xây dựng như tấm polycarbonate, tấm PMMA, tấm fomex, đèn can, giấy dán kính,...đây cũng là bước đi thử nghiệm, nghiên cứu sản phẩm làm nền tảng cho sản xuất sau này.

VII. Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh

Tầm nhìn

- ❖ Phát triển DAG thành một Công ty sản xuất vật liệu xây dựng - trang trí nội thất hàng đầu Việt nam và hướng tới tập đoàn kinh tế đa ngành, đa nghề dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

Sứ mệnh

- ❖ Phát triển bền vững, đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.
- ❖ Tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả dưới mái nhà chung của DAG.
- ❖ Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, uy tín và thân thiện với môi trường.

Giá trị cốt lõi

- ❖ Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng.
- ❖ Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả.
- ❖ Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn.
- ❖ Lấy uy tín để mưu cầu phát triển.

Cam kết

- ❖ **Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về vật liệu phục vụ trong xây dựng cũng như các sản phẩm của Công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
- ❖ **Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.
- ❖ **Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.
- **Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Thành phần của HĐQT

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm với danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thị Lê Hải	Phó chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên HĐQT
4	Ông An Quang Hiếu	Thành viên HĐQT
5	Ông Ito Junichi	Thành viên HĐQT

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2015

1. Kết quả sản xuất kinh doanh và tài chính 2015:

Năm 2015 là năm DAG có sự phát triển vượt bậc với nhiều sự thay đổi quan trọng như đầu tư thành công Dự án mở rộng nhà máy sản xuất thanh Profile, đẩy mạnh và chiếm lĩnh thị trường trong nhiều ngành hàng, lĩnh vực. Với sự nỗ lực hết mình của toàn thể CBCNV cùng sự chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Tập đoàn, DAG đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch đặt ra. Cụ thể:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	2015	2014
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.254.000.821.029	1.109.442.098.378
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.410.577.611	32.770.184.687
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.394.022.558	29.565.078.784
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.695	2.150
5	Nguồn vốn chủ sở hữu	467.001.650.206	189.625.512.579

Theo số liệu trên báo cáo tài chính, năm 2015 doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 13,18%, lợi nhuận sau thuế tăng 36,6% so với năm 2014. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sau khi tăng vốn lên 398,9 tỷ vẫn đạt 1.695 đồng/cổ phiếu. Vốn chủ sở hữu tăng mạnh từ 189,6 tỷ lên 398,9 tỷ, tăng 110,39%. Việc tăng vốn thành công lên 398,9 tỷ và hoàn thiện giai đoạn 1 Đầu tư mở rộng nhà máy NDA đưa DAG trở thành đơn vị có quy mô sản xuất thanh nhựa Profile lớn nhất Việt Nam và tạo được tốc độ tăng trưởng lợi nhuận ở mức 36,6% chứng tỏ định hướng kinh doanh của HĐQT đưa ra là đúng đắn.

2. Những kết quả khác đạt được trong năm 2015:

2.1. Hoàn thiện Giai đoạn 1 Dự án Mở rộng năng lực sản xuất thanh Profile hiện đại nhất tại Việt Nam:

Năm 2015, Dự án mở rộng năng lực Nhà máy Sản xuất thanh Profile giai đoạn 1 với hệ thống trạm trộn hiện đại và 17 dây chuyền sản xuất thanh Profile của Theyson và Cicinnatti của DAG đã được đầu tư và sẽ chính thức đưa vào vận hành toàn bộ trong quý II/2016. Với hệ thống dây chuyền Profile mới được đầu tư sẽ nâng tổng công suất sản xuất lên 30 dây chuyền, Hệ thống máy trộn điện tử hiện đại hoàn toàn tự động đưa DAG trở thành nhà sản xuất thanh Profile hàng đầu của Việt Nam và trực tiếp cạnh tranh với các sản phẩm nhập ngoại từ Châu Âu hoặc Trung Quốc với giá cả hợp lý và chất lượng ngang tầm sản phẩm nhập khẩu.

2.2. Xây dựng thương hiệu và tăng cường công tác truyền thông:

Năm 2015, DAG đã tích cực tham gia các sự kiện nhằm quảng bá sản phẩm cũng như được và các tổ chức uy tín trao tặng nhiều danh hiệu thi đua, khen thưởng. Cụ thể:

- Cúp Vàng thương hiệu mạnh tại Hội chợ triển lãm Quốc tế Xây dựng VietBuild năm 2015;
- Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất lượng cao 2015 của Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao;
- Giải thưởng thương hiệu mạnh 2015 do Thời báo kinh tế bình chọn.
- Tiếp, làm việc và giới thiệu thăm nhà máy với gần 40 đoàn các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư nước ngoài, các đối tác từ các nước Nhật bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan... quan tâm tới quá trình phát triển của DAG.
- DAG cũng tham gia tặng quà tình nghĩa cho gia đình người có công tại Xã Ngọc Hồi – Thanh Trì – Hà Nội, tặng quà tình nghĩa cho các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo tại Viện Huyết học truyền máu Trung ương...

Hoạt động quảng bá thương hiệu cùng các hoạt động xã hội đã giúp cho thương hiệu DAG ngày càng gần gũi và gắn bó hơn với các khách hàng. DAG cũng tăng cường công tác công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật về tình hình hoạt động của Công ty, đảm bảo tính kịp thời và minh bạch cho cổ đông, khách hàng và các cơ quan quản lý nhà nước, góp phần nâng cao uy tín của DAG đối với khách hàng và đối tác.

2.3. Liên tục cải tiến hoàn thiện hệ thống quản lý sản xuất và nâng cao năng lực của CBNV:

Liên tục đổi mới hệ thống các quy trình quản lý sản xuất theo hướng hiệu quả, nâng cao năng lực công tác quản lý điều hành, hoàn thiện và hệ thống hóa các quy trình sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí. Nhờ làm tốt công tác này, hoạt động của công ty ngày càng hiệu quả hơn, chuyên nghiệp hơn.

Bên cạnh đó, DAG cũng luôn chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ nhằm nâng cao nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động. Nhờ đó chất lượng nhân sự của DAG ngày một nâng cao.

2.4. Không ngừng mở rộng mạng lưới bán hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ:

Năm 2015, DAG tiếp tục mở rộng mạng lưới đại lý, nhà phân phối tới các tỉnh Tây Bắc bộ và Trung trung bộ nhằm gia tăng thị phần. Bên cạnh đó, DAG luôn chú trọng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ kinh doanh và chăm sóc khách hàng; nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm; đầu tư thêm dây chuyền, máy móc thiết bị hiện đại. Để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, DAG còn tăng cường công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm, công nghệ.

2.5. Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho DAG:

Trong năm 2015, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD đầu tư xây dựng đưa hệ thống điện thoại Voip và hệ thống tường lửa vào hoạt động. Hệ thống Voip được kết nối giữa DAG và các công ty thành viên góp phần giảm thiểu chi phí điện thoại hàng tháng, nâng cao tinh thần hợp tác xử lý triệt để công việc của các bộ phận phòng ban thông qua các buổi họp online nhằm tăng hiệu quả làm việc cho công ty. Bên cạnh đó, việc đầu tư xây dựng hệ thống tường lửa cũng góp phần quản trị hệ thống và bảo mật thông tin doanh nghiệp đặc biệt khi quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của DAG được mở rộng.

Cũng trong năm 2015, Hệ thống phần mềm nhân sự cũng được đưa vào áp dụng, nhờ đó giảm thiểu các công đoạn làm việc thừa, tăng cường báo cáo quản trị nhân sự, nâng cao hiệu quả công việc cho CBNCV.

2.6. Đưa Phương pháp quản trị công việc theo mục tiêu vào áp dụng:

Trong năm 2015, HĐQT phối hợp với Ban TGD đưa Phương pháp quản trị công việc theo mục tiêu (KPI) vào áp dụng. Theo đó, từ mục tiêu chung của Tập đoàn (kế hoạch sản xuất kinh doanh năm), các phòng ban, bộ phận nhà máy sẽ tự xây dựng mục tiêu và kế hoạch hành động theo tháng và bám sát các mục tiêu đảm bảo hoàn thành được mục tiêu chung mà Tập đoàn đã đề ra. Hàng tháng công ty tổ chức họp đánh giá công khai kết quả mục tiêu của từng phòng ban/bộ phận. Nhờ vậy, các khó khăn vướng mắc được xử lý kịp thời và công việc của các phòng ban/bộ phận được hoàn thành với hiệu quả cao nhất.

III. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2016

Kết thúc năm 2015, DAG đã đạt được kết quả doanh thu/lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Với nền tảng mà DAG đã tạo dựng trong năm trước, sang năm 2016, DAG hoàn toàn có thể tự tin đặt ra các chỉ tiêu tài chính khả quan cho thời gian tới.

Năm 2016 phía trước còn nhiều khó khăn, tuy nhiên cũng nhiều cơ hội để tăng trưởng và phát triển. Đó vừa là thách thức, vừa là cơ hội cho sự phát triển của DAG. Để tiếp tục khẳng định vị thế của DAG trong năm 2016, thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin được đưa ra kế hoạch và phương hướng triển khai trong năm tài chính 2016 như sau:

1. Mục tiêu về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2016

Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam được dự báo có những tín hiệu phục hồi rõ nét hơn để bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, tuy nhiên ngành vật liệu xây dựng vẫn phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức, giá cả nguyên liệu đầu vào nhiều biến động, biên lợi nhuận giảm,

cạnh tranh trong thị trường ngày càng khốc liệt,... Với bối cảnh chung của ngành, DAG xác định mục tiêu cho năm tài chính 2016 là “Phát triển vững chắc- Tăng trưởng phù hợp”.

Với mục tiêu và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, kế hoạch doanh thu 2016 dự kiến như sau:

❖ Doanh thu	: 1.468 tỷ đồng
❖ Lợi nhuận sau thuế	: 55,69 tỷ đồng
❖ Tỷ lệ chi trả cổ tức	: 80% lợi nhuận sau thuế.

Trong quá trình thực hiện, tùy theo điều kiện thị trường và kinh tế, các chỉ tiêu này có thể sẽ được HĐQT DAG điều chỉnh sao cho phù hợp.

2. Các mục tiêu khác

- **Tăng cường vị thế của DAG:** Tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển DAG giai đoạn 2016-2020, quyết tâm đưa DAG phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành vật liệu nhựa công nghiệp phục vụ cho lĩnh vực xây dựng, quảng cáo và trang trí nội ngoại thất.
- **Về tăng vốn:** Thực hiện tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng qua việc tìm kiếm đối tác cổ đông chiến lược hỗ trợ DAG trong việc hoạch định và phát triển.
- **Về công tác đầu tư Máy móc thiết bị, nhà xưởng, nâng cấp và mở rộng sản xuất:** Trong năm 2016, với mục tiêu hoàn thiện giai đoạn 2 của Nhà máy Profile sẽ đưa DAG trở thành nhà sản xuất hàng đầu thanh Profile của khu vực. Bên cạnh đó, công ty sẽ triển khai đầu tư dây chuyền mới sản xuất tấm Fomex, mở rộng năng lực và nâng sản lượng sản xuất tấm PP, đồng thời với nâng cấp sản xuất đến sản phẩm hoàn thiện. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng một xưởng sản xuất với quy mô 42m x 78m để phục vụ cơ sở sản xuất của Nhà máy Hà Nam. Các hoạt động đầu tư trong năm 2016 nhằm mục đích liên tục nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm chủ lực, tạo ưu thế và duy trì vị trí nhà sản xuất hàng đầu tại khu vực phía Bắc cũng như của Việt Nam. Bên cạnh đó, công ty cũng chú trọng tới các giải pháp phải tập trung nhằm ổn định hệ thống sản xuất các sản phẩm, khai thác hiệu quả hệ thống các máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất đã đầu tư. Từng bước hiện đại hóa và tự động hóa hệ thống sản xuất nhằm tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu.
- **Về cấu trúc bộ máy:** Tiếp tục triển khai chương trình tái cấu trúc bộ máy tổ chức của toàn Tập đoàn và các công ty thành viên nhằm phát huy các thế mạnh của DAG trên từng lĩnh vực mũi nhọn cũng như tập trung hoàn thiện tính hệ thống trong hoạt động tổng thể của DAG, hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của toàn Tập đoàn.

- **Về chiến lược kinh doanh:** Tập trung các nguồn lực và các lĩnh vực DAG đang có lợi thế dẫn đầu như sản xuất thanh nhựa Profile, Mica, PP... Tiến hành tiếp tục triển khai phát triển, mở rộng mạng lưới các đại lý, các nhà phân phối theo chiều rộng và cả chiều sâu để gia tăng và chiếm lĩnh thị phần. Thực hiện điều hành chính sách giá, chính sách kinh doanh linh hoạt, phù hợp với tình hình phát triển chung của thị trường nhằm đạt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận toàn Tập đoàn;
- **Về chính sách nhân lực:** Tập trung ổn định và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng chuyên môn hóa và phát huy năng lực của nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo. Thực hiện chủ trương phát triển nguồn nhân sự có tính kế thừa, đặc biệt thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý các cấp để chuẩn bị cho nhu cầu mở rộng và phát triển trong giai đoạn tiếp theo.
- **Về khoa học và công nghệ, chất lượng sản phẩm:** Chú trọng và không ngừng nâng cao hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm, đổi mới công nghệ để đảm bảo tăng năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm.
- **Về công tác thương hiệu:** Từng bước chuyên nghiệp hóa trong việc triển khai công tác Marketing, PR thông qua việc sử dụng các phương tiện truyền thông, các kênh thông tin đại chúng nhằm chuyển tải hình ảnh của DAG cũng như quảng bá các sản phẩm một cách sâu rộng, hiệu quả, phù hợp với tình hình tài chính của Tập đoàn, nâng cao tỷ lệ nhận diện thương hiệu và sức cạnh tranh của các sản phẩm DAG.
- **Về hoạt động xuất khẩu:** Đây là năm tiền đề để DAG đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu vào các thị trường mục tiêu như Đài Loan, Myanma, Châu Âu... với các sản phẩm chủ lực như Tấm Alu, tấm PP, Tấm Mica, Thanh nhựa Profile...

3. Về trách nhiệm xã hội và môi trường:

Tiếp tục duy trì các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng hình ảnh DAG thân thiện, hướng đến và có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2015, Nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn trong tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động và tiếp tục tăng trưởng chậm sau thời kỳ khủng hoảng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt mức tăng 6,68%; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2015 đã từng bước ổn định chỉ tăng 0,63% so với mức bình quân các năm trước đây từ 6-7%/năm, mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

Trong bối cảnh hồi phục của kinh tế trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á cũng thu được kết quả khả quan.

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2015:

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2015
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.254.000.821.029	1.139.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.394.022.558	36.400.000.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức	80%	80%

So với kế hoạch 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện vượt 10,1% so với kế hoạch và tăng 13,18% so với năm 2014; Lợi nhuận sau thuế năm 2015 vượt 10,97% so với kế hoạch đề ra và tăng 36,63% so với 2014.

So với kết quả năm 2014:

STT	Chỉ tiêu	2015	2014
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.254.000.821.029	1.109.442.098.378
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.410.577.611	32.770.184.687
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.394.022.558	29.565.078.784
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.695	2.150
5	Tổng tài sản	950.004.974.147	794.460.219.140
5.1	Tài sản ngắn hạn	697.892.417.850	596.155.556.462
5.2	Tài sản dài hạn	252.112.556.297	198.304.662.678
6	Tổng cộng nguồn vốn	950.004.974.147	794.460.219.140
6.1	Nợ phải trả	483.003.323.941	604.834.706.561
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	467.001.650.206	189.625.512.579
6.3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0

Qua các chỉ tiêu tài chính năm 2015, so với năm 2014, các chỉ tiêu tài chính đều được cải thiện đáng kể: Tổng tài sản tăng 19,58%, trong đó nguồn vốn chủ sở hữu tăng 110,39% trong khi nợ vay và nợ phải trả giảm 20,14%; chi phí tài chính giảm 7,94% (năm 2014 chi phí tài chính là 31,39 tỷ đồng thì năm 2015 là 28,90 tỷ đồng). Trong khi doanh thu tăng 13,18%

nhưng chi phí bán hàng chỉ tăng 8,85%, chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tăng 6.21%. Hệ số ROA được cải thiện mạnh từ mức 3,72% lên mức 4,25% cũng như hệ số Vay nợ/tổng tài sản giảm từ 79,13% xuống mức 50,84%.

Có được kết quả hoạt động kinh doanh khả quan của năm 2015 là nhờ sự định hướng sáng suốt trong các quyết sách của HĐQT, sự nhạy bén và xử lý linh hoạt của Ban Tổng giám đốc và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV của Tập đoàn, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý nhiều năm kinh nghiệm và nhiệt huyết của công ty.

II. Các thành tựu nổi bật trong năm 2015:

Bên cạnh các kết quả về tài chính, trong năm 2015, DAG đã triển khai và đạt được các kết quả nổi bật sau:

❖ **Đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy Sản xuất thanh Profile hiện đại nhất Việt Nam** tại khu công nghiệp Châu Sơn - Hà Nam với 17 dây chuyền sản xuất mới nâng tổng số công suất lên 30 dây chuyền kèm theo Hệ thống máy trộn điện tử hoàn toàn tự động và Hệ thống các máy móc, thiết bị phụ trợ đồng bộ. Với hệ thống sản xuất mới được đầu tư này, năng lực sản xuất của công ty được nâng lên gấp 2,5 lần so với trước đây và tạo lợi thế về khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường của sản phẩm DAG.

❖ **Triển khai trọng tâm và liên tục công tác quảng bá thương hiệu DAG:** Với các sản phẩm đã tạo được uy tín và thương hiệu trong thời gian vừa qua, trong năm 2015, DAG đã nhận được Cúp Vàng thương hiệu mạnh tại Hội chợ triển lãm Quốc tế Xây dựng VietBuild năm 2015, Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất lượng cao 2015 do Người tiêu dùng bình chọn, Giải thưởng thương hiệu mạnh 2015 do Thời báo kinh tế bình chọn. Một điểm nổi bật nữa, trong năm 2015 DAG đã nhận được nhiều sự quan tâm của các tổ chức tài chính lớn đến thăm và làm việc của gần 40 đoàn các tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư nước ngoài, các đối tác từ các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan... quan tâm tới quá trình phát triển của DAG.

Song song với công tác truyền thông, xúc tiến thương mại, DAG cũng thường xuyên quan tâm tới công tác xã hội như chấp hành nghiêm túc công tác công bố thông tin, đảm bảo uy tín và minh bạch đối với nhà đầu tư, cơ quan quản lý cũng như khách hàng. Một hoạt động nữa DAG cũng không quên là quan tâm tới đóng góp xã hội như tặng quà cho bệnh nhân nghèo, tặng nhà tình nghĩa cho người có công với đất nước...

❖ **Cải tiến hoàn thiện hệ thống quản lý sản xuất và nâng cao năng lực của CBCNV:** Với đặc thù là đơn vị sản xuất công nghiệp đòi hỏi hệ thống quản lý phải có tính khoa học và gắn kết cao nhằm tạo ra hiệu quả trong sản xuất, trong năm 2015, DAG đã hoàn thiện các quy trình quản lý sản xuất, nâng cao năng lực đội ngũ lãnh đạo điều hành cũng như tối đa hóa hiệu suất của các hoạt động kinh doanh, tiết giảm chi phí hợp lý. Hoạt động của công ty ngày càng hiệu quả hơn, chuyên môn hóa và chuyên sâu trong quản trị điều hành.

Nhằm nâng cao chất lượng nhân sự, DAG liên tục thực hiện công tác đào tạo nhân sự nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động. Trên cơ sở này, DAG

đã tạo lập được ngũ cán bộ vững chắc, có tính kế thừa nhằm hướng tới sự phát triển trong những năm tới.

- ❖ **Chú trọng và đẩy mạnh hệ thống mạng lưới bán hàng, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ:** Với định hướng phát triển phải hướng tới khách hàng, trong năm 2015, DAG đã từng bước triển khai mạnh hoạt động mở rộng hệ thống đại lý, các nhà phân phối tới các tỉnh Tây Bắc bộ và Trung Trung bộ nhằm chiếm lĩnh thị trường, gia tăng thị phần và đưa sản phẩm đến gần hơn với người tiêu dùng cuối cùng. Để thực hiện chính sách này, DAG luôn chú trọng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ kinh doanh và chăm sóc khách hàng. Với việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại mới, DAG nhằm ngày càng tạo ra sản phẩm dịch vụ chất lượng ngày càng cao, thân thiện với môi trường và phục vụ người tiêu dùng Việt Nam ngày càng được sử dụng các sản phẩm tốt hơn với mức giá cạnh tranh. Ngoài việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm công nghệ mới cũng luôn được chú trọng nhằm bắt kịp với sự phát triển của nhu cầu thị trường và công nghệ của thế giới.
- ❖ **Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho DAG:** Nhằm đảm bảo hiện đại hóa hệ thống quản lý, DAG đã đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, hệ thống điện thoại VOIP cùng hệ thống tường lửa phục vụ công tác quản lý hoạt động. Hệ thống công nghệ thông tin được sử dụng kết nối đồng bộ giữa các công ty thành viên trong toàn bộ tập đoàn, tạo sự thông suốt về thông tin, tăng cường tốc độ xử lý công việc, giảm thiểu chi phí quản lý và tăng tính hiệu quả trong công tác quản lý của toàn Tập đoàn. Năm 2015, DAG đã đưa hệ thống phần mềm quản lý nhân sự vào áp dụng và đã nâng cao được hiệu quả quản lý công việc của đội ngũ nhân viên Tập đoàn.
- ❖ **Triển khai áp dụng Phương pháp quản trị công việc theo mục tiêu:** Ban TGD công ty đã triển khai áp dụng Phương pháp quản trị công việc theo mục tiêu (KPI) vào áp dụng năm 2015. Trên cơ sở định hướng mục tiêu chung cả năm của toàn bộ Tập đoàn, các phòng ban, công ty trực thuộc sẽ xây dựng mục tiêu và kế hoạch hành động từng thời kỳ bám sát các mục tiêu, đảm bảo hoàn thành được mục tiêu chung mà Tập đoàn đã đề ra. Hàng tháng công ty triển khai việc đánh giá công khai kết quả mục tiêu của từng phòng ban/bộ phận. Phương pháp này đã tháo gỡ các khó khăn vướng mắc một cách kịp thời và hiệu quả công việc của các phòng ban/bộ phận được triển khai và đạt hiệu quả cao nhất.

III. Kế hoạch và phương hướng triển khai năm 2016

1. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2016

Căn cứ trên kết quả đạt được năm 2015, tình hình kinh tế 2016 của Việt Nam cùng tốc độ tăng trưởng của DAG trong các năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

➤ Doanh thu: **1.468 tỷ đồng**, trong đó phân bổ:

Đơn vị	Doanh thu
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	220 tỷ đồng
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)	913 tỷ đồng
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam (SMW)	216 tỷ đồng
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (DAS)	117 tỷ đồng
Tổng doanh thu	1.468 tỷ đồng

➤ Lợi nhuận sau thuế: **55,69 tỷ đồng**.

2. Phương hướng triển khai thực hiện kế hoạch 2016

2.1. Các định hướng lớn cho việc triển khai kế hoạch 2016

- **Về công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:** Tập trung mở rộng thị trường tại các khu vực có tiềm năng cao tiêu thụ sản phẩm như thị trường miền Nam, khu vực miền Trung và các tỉnh Tây Bắc. Cùng cố và phát triển theo chiều rộng hệ thống Nhà phân phối, đại lý nhằm đẩy nhanh mức gia tăng sản lượng cũng như độ phủ thị trường, chiếm lĩnh và dẫn đầu thị trường với các sản phẩm DAG có lợi thế cạnh tranh cao.
- **Về công tác quy hoạch các sản phẩm chủ lực:** Quy hoạch tập trung sản xuất các sản phẩm chủ lực đang có lợi thế trên thị trường như thanh nhựa Profile, tấm PS, tấm PP, tấm Alu... theo hướng triển khai theo quy mô sản xuất công nghiệp, tạo lợi thế về giá bán đối với các sản phẩm cùng loại so với các đối thủ cũng như chiếm lĩnh được thị trường, sự tin tưởng của các nhà phân phối và khách hàng. Việc tập trung vào các sản phẩm chủ lực cũng giúp cho DAG thu được lợi nhuận tốt hơn từ quy mô lớn trong sản xuất, chuyên môn hóa sản xuất và tiết kiệm được các chi phí so với phương thức sản xuất nhiều chủng loại như trước đây.
- **Chú trọng nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm:** Tập trung nâng cao năng lực sản xuất đầu tư bổ sung, hoàn thiện nhà máy sản xuất Profile vào cuối năm 2016, đầu năm 2017. Đầu tư bổ sung đối với các sản phẩm chủ lực như tấm PS, tấm PP và tấm Alu... đưa DAG trở thành nhà sản xuất hàng đầu trong lĩnh vực vật liệu nhựa xây dựng và quảng cáo tại khu vực phía Bắc.
- **Công tác nguồn vốn và tăng cường năng lực tài chính:** Tiếp tục thực hiện định hướng nâng cao năng lực tài chính thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược nhằm thu hút bổ sung nguồn vốn, bên cạnh đó, tiếp tục sử dụng cơ cấu vốn vay các tổ chức tín dụng ở mức hợp lý phục vụ đầu tư và sản xuất kinh doanh tạo thế và lực cho sự phát triển trong những năm tới. Công tác kiểm soát các tỷ lệ an toàn tài chính cũng luôn được chú trọng để đảm bảo công ty vận hành một cách hiệu quả nhất.
- **Kiểm soát nội bộ, kiểm soát hệ thống và hoạt động đào tạo:** Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội thông qua các hoạt động giám sát tuân thủ đối với các phòng ban, nhà máy nhằm đảm bảo các hoạt động được thực hiện hiệu quả. Luôn chú trọng công tác kiểm soát hệ thống nhằm tạo ra sự đồng bộ và tính hiệu quả của sự kết hợp công tác giữa các bộ phận. Định kỳ tổ chức đào tạo cán bộ về kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm công tác cũng như các kiến thức kỹ thuật, quản lý để tạo dựng được đội ngũ cán bộ ngày càng vững chắc, đảm bảo đủ năng lực để tạo ra sự phát triển cho công ty.

2.2. Về biện pháp cụ thể

Đối với công ty Smartwindow Việt Nam

- ❖ Tập trung vào triển khai các dự án trọng điểm của chủ đầu tư và các nhà thầu. Đẩy mạnh công tác quản lý thi công và đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ. Liên tục nâng cao

chất lượng sản phẩm và thực hiện tốt công tác bảo hành, bảo trì để đảm bảo uy tín sản phẩm của công ty;

- ❖ Tiếp tục triển khai mạnh công tác quảng bá thương hiệu và hình ảnh nhằm đưa thương hiệu Smart window và Smart door trở thành nhãn hiệu hàng đầu tại Việt Nam.
- ❖ Duy trì thường xuyên công tác đào tạo tay nghề, kỹ năng cho đội ngũ công nhân sản xuất và lắp đặt.

Đối với công ty Nhựa Đông Á (NDA)

- ❖ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống sản xuất thanh Profile và đưa vào vận hành nhà máy mới trong quý II/2016. Có kế hoạch triển khai đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị đối với các sản phẩm chủ lực như tấm Alu, tấm PS, tấm PP... nhằm nâng cấp năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu sản phẩm ngày càng cao của khách hàng.
- ❖ Tập trung triển khai các giải pháp nhằm mở rộng, phát triển hệ thống đại lý, từng bước vững chắc chiếm lĩnh thị trường, thị phần và đặc biệt tiến tới đẩy lùi hàng nhập khẩu kém chất lượng. Thực hiện các chính sách kích cầu, chính sách đại lý, chính sách khách hàng trong toàn hệ thống để thúc đẩy gia tăng sản lượng và bán hàng.
- ❖ Tăng cường công tác quản lý định mức, quản lý sản xuất. Triển khai tốt công tác duy tu, sửa chữa, vận hành hệ thống máy móc thiết bị của Nhà máy. Từng bước nâng cao năng lực về công nghệ và công tác nghiên cứu – phát triển sản phẩm mới để phục vụ sản xuất, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào...
- ❖ Xác lập cơ cấu tổ chức vững mạnh và ổn định đội ngũ nhân sự quản lý. Từng thời kỳ, liên tục tuyển dụng nhân sự có chất lượng cho Nhà máy Hà Nam. Tạo dựng đội ngũ cán bộ nhà máy giỏi về chuyên môn, nhiệt huyết và gắn bó.

Đối với công ty Nhựa Đông Á Sài Gòn (DAS)

- ❖ Tập trung vào công tác mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm tại các tỉnh phía Nam để thâm nhập và chiếm lĩnh thị trường, nâng cao một bước năng lực kinh doanh các sản phẩm do Công ty sản xuất và các sản phẩm thương mại khác.
- ❖ Chú trọng công tác quảng bá hình ảnh, có chính sách kích cầu linh hoạt để hỗ trợ cho hoạt động bán hàng của đội ngũ Kinh doanh.

Có chính sách thu hút nhân sự hợp lý nhằm củng cố, phát triển đội ngũ nhân sự đảm đương được công tác quản lý và kinh doanh của thị trường phía Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Tập đoàn Nhựa Đông Á trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2015 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch
Bà Trần Thị Lê Hải	Phó Chủ tịch
Ông An Quang Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên
Ông Ito Junichi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/05/2015)
Ông Trần Xuân Nam	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/03/2015)
Ông Trần Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/10/2015)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản

của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á



Nguyễn Bá Hùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 03 năm 2016 từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính tích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

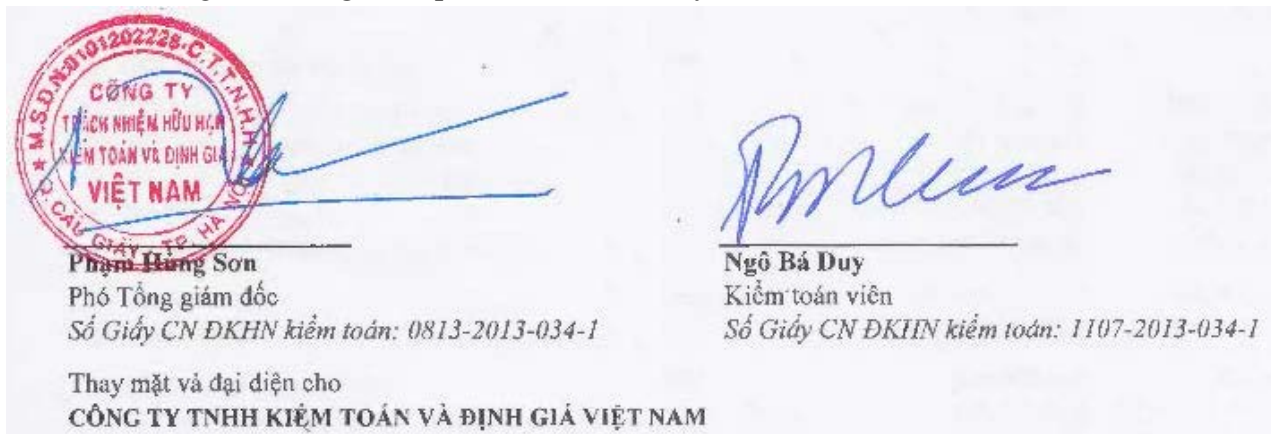
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng

ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 – hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 – hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày lại cho phù hợp với số liệu kỳ này. Ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN/HN

Đơn vị tính:

VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		697.892.417.850	596.155.556.462
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.122.324.291	5.598.230.684
1	Tiền	111		13.122.324.291	5.598.230.684
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.727.294.173	188.690.761.009
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	142.521.942.847	124.075.092.109
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		77.507.822.675	32.466.294.049
5	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.	72.544.095.601	34.905.115.620
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.846.566.950)	(2.755.740.769)
IV	Hàng tồn kho	140		395.203.740.724	401.443.907.259
1	Hàng tồn kho	141	V.5.	395.203.740.724	401.443.907.259
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		839.058.662	422.657.510
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	464.445.210	0
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.253.573	433.494
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	348.359.879	422.224.016
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200			198.304.662.678
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.581.706.706	744.809.386
6	Phải thu dài hạn khác	216	V.3	1.581.706.706	744.809.386
II	Tài sản cố định	220		146.863.252.007	139.616.141.117
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	109.995.837.770	116.995.380.605
-	Nguyên giá	222		207.440.651.890	201.748.937.821
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.444.814.120)	(84.753.557.216)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9.	35.391.859.341	22.620.760.512
-	Nguyên giá	225		50.864.352.851	31.997.227.651
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.472.493.510)	(9.376.467.139)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	1.475.554.896	
-	Nguyên giá	228		1.879.059.854	387.972.800
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(403.504.958)	(387.972.800)
III	Bất động sản đầu tư	240	V.10.	4.920.646.952	4.920.646.652
-	Nguyên giá	241		5.214.306.300	5.214.306.300
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(293.659.648)	(293.659.648)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6.	89.017.321.369	41.378.926.798
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		89.017.321.369	41.378.926.798
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI	Tài sản dài hạn khác	260		9.729.629.563	11.644.138.725
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	9.729.629.563	11.644.138.725
5.	Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		794.460.219.140	695.089.002.930

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		483.003.323.941	604.834.706.561
I	Nợ ngắn hạn	310		343.040.561.219	534.211.232.460
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	100.510.900.321	135.926.624.609
2	Người mua trả tiền trước	312		5.644.295.415	47.888.809.920
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	8.412.896.707	7.400.809.759
4	Phải trả người lao động	314		2.233.317.328	1.569.920.150
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.279.922.096	2.748.598.122
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	316		79.204.816	
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	15.502.667.101	27.463.457.331
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		206.946.469.972	310.262.645.148
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.430.887.463	950.770.421
II	Nợ dài hạn	330		139.962.762.722	70.623.474.101
6	Doanh thu chưa thực hiện	333	v.16.	40.000.000	111.350.272
7	Phải trả dài hạn khác	334	V.15.	555.000.000	105.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.	85.867.762.722	16.907.123.829
9	Trái phiếu chuyển đổi		V.18.	53.500.000.000	53.500.000.000
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		467.001.650.206	189.625.512.579
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	467.001.650.206	189.625.512.579
	Vốn góp của chủ sở hữu	411		398.900.000.000	137.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		398.900.000.000	137.500.000.000
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		398.900.000.000	137.500.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		8.021.921.439	4.050.070.500
5	Cổ phiếu quỹ	414		(2.100.000)	
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		24.356.877.127	13.331.991.423
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.918.410.646	4.160.836.658
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.806.540.994	30.582.613.998
	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		(10.587.481.564)	1.017.535.214
	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		40.394.022.558	29.565.078.784
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		950.004.974.147	794.460.219.140

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

<p>Người lập</p>  <p>Nguyễn Thị Xiêm</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Nguyễn Thị Hồng Oanh</p>
---	---

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Mẫu số B02-DN/HN)

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	01	VI.1.	1.254.000.821.029	1.109.442.098.378
2	02	VI.2.		1.477.092.891
3	10		1.254.000.821.029	1.107.965.005.487
4	11	VI.3	1.149.892.564.965	1.015.993.691.487
5	20		104.108.256.064	91.971.314.000
6	21	VI.4.	1.403.053.896	210.536.560
7	22	VI.5.	28.905.934.837	31.397.916.775
	23		27.712.799.527	31.047.331.132
8				
9	24		11.832.384.629	10.870.822.894
10	25		19.785.112.195	18.628.087.751
11	30		44.987.878.299	31.285.023.140
12	31		828.607.077	2.286.789.189
13	32		1.405.907.765	801.627.642
14	40		(577.300.688)	1.485.161.547
15	50		44.410.577.611	32.770.184.687
16	51		4.016.555.053	3.178.405.115
17	52			26.700.788
18	60		40.394.022.558	29.565.078.784
19	61		40.394.022.558	29.565.078.784
20	62			
19	70	VI.21	1.695	2.150

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Xiêm

Nguyễn Thị Hồng Oanh



Nguyễn Bá Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**Mẫu số B03 - DN/HN**Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.410.577.611	32.770.184.687
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		19.082.582.143	18.823.741.077
- Các khoản dự phòng	03		1.090.826.181	132.002.442
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		29.652.004	(183.766.680)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(68.963.487)	(20.475.404)
- Chi phí lãi vay	06		27.712.799.527	31.047.331.132
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		92.257.504.979	82.569.017.254
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(101.916.212.607)	(1.597.020.159)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.240.166.535	(67.840.071.140)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(28.929.004.344)	73.056.529.564
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.450.063.952	2.105.747.964
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.712.799.527)	(21.873.666.951)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.353.241.195)	(6.192.757.510)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(34.344.354.567)	(58.820.528.707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(96.307.876.774)	1.407.250.315
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(101.346.614.758)	(7.317.41.961)

2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		140.028.145
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	68.932.487	20.475.404
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(101.277.682.271)	(7.157.138.412)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	239.496.940.939	
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.100.000)	
3	Tiền thu từ đi vay	33	660.772.496.634	661.750.482.556
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(683.877.422.355)	(647.199.683.759)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(11.250.610.562)	
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.504.646.738)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	205.139.304.656	(3.953.847.941)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.553.745.611	(9.703.736.038)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.598.230.684	15.301.958.353
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(29.652.004)	8.369
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.122.324.291	5.598.230.684

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

<p>Người lập</p>  <p>Nguyễn Thị Xiêm</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Nguyễn Thị Hồng Oanh</p>	<p>Tổng Giám đốc,</p>  <p>Nguyễn Bá Hùng</p>
---	--	--



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 29 tháng 09 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là: 398.900.0000.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm chín mươi tám tỷ chín trăm triệu đồng*).

Tổng số cổ phần là 39.890.000 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các thiết bị ngành nhựa, ngành điện công nghiệp và dân dụng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng aranium và quặng thorium (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chỉ gồm có: Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê đất, cho thuê mặt bằng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Đầu tư, xây dựng nhà ở; Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;

- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (84-4) 3.793.8686 Fax: (84-4) 3.793.8181

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn:

- Số lượng công ty con: 03 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phủ Lý - Hà Nam Vốn điều lệ: 159.330.000.000 VNĐ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2	Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội Vốn điều lệ: 36.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày BCTC hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII-Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất..

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Trong đó:

- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên
Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

7.1. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 -

7.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6

7.3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Phần mềm kế toán Effect	4

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ

tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản công cụ dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán nợ, phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị giao dịch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng đối với các hợp đồng thuê mặt bằng, trích trước chi phí phải trả tiền thuê nhà, tiền điện,... thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Đối với doanh thu sản xuất và thương mại:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Đối với doanh thu Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền,

cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản, phế liệu và các thu nhập khác,...

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ lắp đặt được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

17. Nguyên tắc chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

19. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

19.1. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ lắp đặt.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng Công ty TNHH Nhựa Đông Á được hưởng ưu đãi theo Giấy chứng nhận ưu đãi số 39/GCNUĐT ngày 30 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000006 ngày 12 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp thì Công ty được hưởng thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời hạn trên thuế suất 22%; miễn 3 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2015 là năm thứ 9 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi và giảm 50% trên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15%. Riêng đối với doanh thu từ hoạt động thương mại, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tài quỹ	392.882.160	56.201.874
Tiền gửi ngân hàng	12.729.442.131	5.542.028.810
Tổng cộng	13.122.324.291	5.598.230.684

2. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

Công ty TNHH V& H Việt Nam	24,921,388,012	7,758,128,156
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	4,181,440,950	2,070,016,312
Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	24,364,431,985	12,057,367,843
Các đối tượng khác	89,054,681,900	102,189,579,798
Tổng cộng	142,521,942,847	124,075,092,109

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh VIII.2

3. Phải thu khác

Phải thu khác	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	72,544,095,601	-	34,905,115,620	-
Phải thu khác	2,239,941,633	-	4,092,829,357	-
Thuế GTGT của Tài sản thuê tài chính	222,834,486	-	399,752,774	-
Các đối tượng khác	2,017,107,147	-	3,693,076,583	-
Tạm ứng	67,094,553,818	-	9,060,000	-
Nguyễn Bá Hùng (*)	67,094,073,818	-	-	-
Các đối tượng khác	480,000	-	29,060,000	-
Cầm cố ký cược ký quỹ	3,209,600,150	-	30,783,226,263	-
b) Dài hạn	1,581,706,706	-	744,809,386	-
Cầm cố ký cược ký quỹ	1,581,706,706	-	744,809,386	-
Tổng cộng	74,125,802,307	-	35,649,925,006	-

(*) Khoản tạm ứng cho Ông Nguyễn Bá Hùng 65 tỷ đồng theo nghị quyết hội đồng quản trị số 15/2015/ND-HĐQT ngày 01/09/2015 để Ông Nguyễn Bá Hùng mua lô đất tại Mễ Trì nhằm xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc và dịch vụ. Thời hạn tạm ứng từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2016.

4. Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu quá hạn, khó đòi (*)	5,185,651,679	1,339,084,729	4,522,801,445	1,767,060,676
Guangxi Pingxiang Yingtai	803,000,000	-	803,000,000	-
Tổng Công ty xây dựng Hà Nội	1,553,283,696	776,641,848	1,553,283,696	776,641,848
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex	30,318,652	10,159,326	40,318,652	20,159,326
CN Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 (C106/N05)	299,080,677	69,540,338	459,080,677	229,540,339
Standard International	333,588,863	100,076,659	333,588,863	166,794,432
Techzone Global Trading Company	946,100,869	283,830,261	946,100,869	473,050,435
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Đĩnh Điềm	192,000,616	94,981,308	194,038,616	97,019,308
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hưng Thuận	30,033,134	-	34,983,134	-
Công ty Cổ phần Traco Thăng Long	450,000,400	-	-	-
Các đối tượng khác	548,244,772	3,854,989	158,406,938	3,854,989
Tổng cộng	5,185,651,679	1,339,084,729	4,522,801,445	1,767,060,676

(*) Những khoản công nợ này công ty đã trích lập dự phòng, giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm 31/12/2015 là: 3.846.566.950 đồng.

5. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	187,783,520,592	-	181,916,356,705	-
Công cụ, dụng cụ	2,153,492,531	-	5,038,991,514	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20,827,762,627	-	15,305,162,029	-
Thành phẩm	50,661,620,455	-	36,107,795,381	-
Hàng hóa	133,777,344,519	-	163,074,742,055	-
Hàng gửi bán	-	-	859,575	-
Tổng cộng	395,203,740,724	-	401,443,907,259	-

6. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<u>89,017,321,369</u>	<u>41,378,926,798</u>
Dự án Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam tại Khu CN Ngọc Hồi	-	1,525,701,853
Mua sắm TSCĐ tại Hà Nam	35,733,262,458	39,853,224,945
Xây dựng nhà xưởng	52,973,791,961	-
Công trình sửa chữa nhà xưởng Tân Tạo	310,266,950	-
Tổng cộng	<u><u>89,017,321,369</u></u>	<u><u>41,378,926,798</u></u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2015	93.508.714.331	89.661.877.732	17.329.379.987	1.384.207.471	201.884.179.521
Mua trong năm	-	-	-	130.378.000	130.378.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	395.824.054	522.280.456	-	-	918.104.510
Tăng khác	-	-	82.709.332	9.777.968	92.487.300
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.231.449.510)	-	(1.231.449.510)
Giảm khác (*)	-	-	(44.762.000)	-	(44.762.000)
Số dư ngày 31/12/2015	93.904.538.385	90.184.158.188	16.135.877.809	1.524.363.439	201.748.937.821
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2015	17.533.431.215	41.644.942.656	11.273.976.935	859.214.619	71.311.565.425
Khấu hao trong năm	4.037.943.558	8.833.693.583	1.618.140.010	269.257.365	14.759.034.516
Tăng khác	-	1.388.889	-	-	1.388.889
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(44.762.000)	(1.167.311.600)	-	(1.212.073.600)
Giảm khác (*)	-	(106.358.014)	-	-	(106.358.014)
Số dư ngày 31/12/2015	21.571.374.773	50.328.905.114	11.724.805.345	1.128.471.984	84.753.557.216
Giá trị còn lại					
Số dư ngày 01/01/2015	75.975.283.116	48.016.935.076	6.055.403.052	524.992.852	130.572.614.096
Tại ngày 31/12/2015	72.333.163.612	39.855.253.074	4.411.072.464	395.891.455	116.995.380.605

(*) Tăng khác, giảm khác do phân loại lại Tài sản cố định.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.795.132.146 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.835.288.119 VND

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư trong ngày 01/01/2015	387.972.800	387.972.800
Mua trong kỳ	1.491.087.054	1.491.087.054
Số dư ngày 31/12/2015	1.879.059.854	1.879.059.854
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2015	387.972.800	387.972.800
Khấu hao trong kỳ	15.532.158	15.532.158
Số dư ngày 31/12/2015	403.504.958	403.504.958
Giá trị còn lại		
Ngày 01/01/2015		
Ngày 31/12/2015	1.475.554.896	1.475.554.896

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2015	31.997.227.651	31.997.227.651
Thuê tài chính tăng trong năm	18.770.899.900	18.770.899.900
Tăng khác	96.225.300	96.225.300
Số dư ngày 31/12/2015	50.864.352.851	50.864.352.851
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2015	9.376.467.139	9.376.467.139
Khấu hao trong năm	4.825.002.480	4.825.002.480
Tăng khác (*)	1.271.023.891	1.271.023.891
Số dư ngày 31/12/2015	15.472.493.510	15.472.493.510
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	22.620.760.512	22.620.760.512
Tại ngày 31/12/2015	35.391.859.341	35.391.859.341

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2015
Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	5.214.306.300			5.214.306.300
Giá trị Quyền sử dụng đất	5.214.306.300			5.214.306.300
Tổn thất do suy giảm giá trị (*)	293.659.648			293.659.648
Giá trị còn lại	4.920.646.652			4.920.646.652
Giá trị Quyền sử dụng đất	4.920.646.652			4.920.646.652

Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2015 cần được trình bày. Tuy nhiên Công ty hiện chưa xác định giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2015 chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập định giá giá trị hợp lý của

Bất động sản đầu tư. Hiện tại Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

(* *Tổn thất do suy giảm giá trị là chi phí khấu hao Bất động sản đầu tư từ những năm trước, Công ty thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.*

11. Chi phí trả trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	464,445,210	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	464,445,210	-
b) Dài hạn	9,729,629,563	11,644,138,725
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	538,508,633	2,268,218,228
Chi phí thuê đất	9,191,120,930	9,375,920,497
Tổng cộng	10,194,074,773	11,644,138,725

12. Phải trả người bán

a. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đầu tư và XNK Hiền Vinh	3,512,478,334	3,512,478,334	305,972,122	305,972,122
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn	-	-	28,034,379,325	28,034,379,325
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hoàng Đăng	1,982,149,150	1,982,149,150	5,283,496,415	5,283,496,415
Công ty Cổ phần XNK Khoáng Sản	-	-	36,117,389,887	36,117,389,887
Công ty TNHH VLXD và hóa chất Hoàng Nam	-	-	29,323,765,575	29,323,765,575
Jampoo Union Corp	34,833,210,287	34,833,210,287	913,269,807	913,269,807
Công ty TNHH Thương Mại DV Hùng Phát	17,074,054,280	17,074,054,280	10,343,607,721	10,343,607,721
Foshan Gaoming Hengrui Export and Import Co.,Ltd	13,878,349,088	13,878,349,088	-	-
Các đối tượng khác	29,230,659,182	29,230,659,182	25,604,743,757	25,604,743,757
Tổng cộng	100,510,900,321	100,510,900,321	135,926,624,609	135,926,624,609

b. Phải trả người bán là các bên liên quan. Chi tiết trình bày trong Thuyết minh số VIII.2

13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	1,023,904,833	5,326,553,646	5,402,682,105	947,776,374
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	19,023,954	24,957,179,916	24,941,647,846	34,556,024
Thuế nhập khẩu	-	266,173,284	266,173,284	-
Thuế xuất nhập khẩu	19,759,349	2,914,026,785	2,814,267,806	119,518,328
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,082,502,951	4,106,792,749	3,353,241,195	3,836,054,505
Thuế thu nhập cá nhân	663,134,347	118,041,557	134,339,815	646,836,089
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		7,099,328	7,099,328	-
Các loại thuế khác	2,592,081,325	466,634,324	230,560,262	2,828,155,387
Tổng cộng	7,400,406,759	37,889,228,977	36,876,739,029	8,412,896,707
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	7,970,526	7,970,526	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	11,239,066	-	102,303,560	113,542,626
Thuế xuất nhập khẩu	4,640,454	4,640,454	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	395,373,970	163,556,717	-	231,817,253
Các loại thuế khác	3,000,000	-	-	3,000,000
Tổng cộng	422,224,016	176,167,697	102,303,560	348,359,879

14. Chi phí phải trả:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	1,279,922,096	2,748,598,122
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại KCN Châu Sơn - Hà Nam	1,250,912,096	1,250,912,080
Chi phí phải trả thuê văn phòng	-	1,376,100,000
Các khoản khác	29,010,000	121,586,042
Tổng cộng	1,279,922,096	2,748,598,122

15. Phải trả khác

a. Ngắn hạn:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
	15,502,667,101	27,463,457,331
Tài sản thừa chờ giải quyết;	-	117,638,144
Kinh phí công đoàn;	138,867,850	353,421,955
Bảo hiểm xã hội; BHYT	136,208,199	58,922,333
Bảo hiểm thất nghiệp;	10,448,310	26,152,559
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	15,217,142,742	26,907,322,340
+ Ông Nguyễn Bá Hùng	11,475,200,000	11,000,000,000
+ Bà Trần Thị Lê Hải	939,600,000	1,000,000,000
+ Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	-	8,364,820,750
+ Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn	-	3,286,250,000
+ Phải trả phải nộp khác	2,802,342,742	3,256,251,590

b. Dài hạn:

31/12/2015 01/01/2015

	VND	VND
Dài hạn	555,000,000	105,000,000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	555,000,000	105,000,000
Tổng cộng	16,057,667,101	27,568,457,331

c. Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2

16. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	79,204,816	-
Cho thuê văn phòng	79,204,816	-
b) Dài hạn	40,000,000	111,350,272
Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội	-	65,895,727
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Hà Nội	40,000,000	45,454,545
Tổng cộng	119,204,816	111,350,272

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	VND		VND		VND	
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a1) Vay ngắn hạn	206,946,469,972	290,550,513,894	754,659,024,778	796,210,925,021	310,262,645,148	310,262,645,148
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	-	-	315,195,813	92,648,362,844	92,333,167,031	92,333,167,031
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND (2)	104,506,245,378	104,506,245,378	385,909,255,147	424,517,388,094	143,114,378,325	143,114,378,325
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - VND (3)	5,178,389,242	5,178,389,242	15,128,835,166	19,848,396,767	9,897,950,843	9,897,950,843
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (4)	48,212,963,855	48,212,963,855	106,537,685,555	123,241,870,649	64,917,148,949	64,917,148,949
Ngân hàng United Overseas Bank Limited (5)	10,180,000,000	10,180,000,000	23,986,250,000	13,806,250,000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế (6)	12,068,596,500	12,068,596,500	16,208,596,500	4,140,000,000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (7)	26,800,274,997	26,800,274,997	26,800,274,997	-	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	85,867,762,722	83,604,043,922	83,622,684,656	16,925,764,563	16,907,123,829	16,907,123,829
b1) Vay dài hạn	62,820,702,092	62,820,702,092	62,864,568,756	5,675,154,001	5,631,287,337	5,631,287,337
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	5,631,287,337	5,631,287,337	5,631,287,337
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (8)	62,206,568,756	62,206,568,756	62,206,568,756	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (9)	614,133,336	614,133,336	658,000,000	43,866,664	-	-
b2) Nợ thuê tài chính dài hạn	23,047,060,630	20,783,341,830	20,758,115,900	11,250,610,562	11,275,836,492	11,275,836,492
Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (10)	19,452,224,350	19,452,224,350	20,758,115,900	9,304,509,384	7,998,617,834	7,998,617,834
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (11)	2,263,718,800	2,263,718,800	2,263,718,800	-	-	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (12)	1,331,117,480	1,331,117,480	-	1,946,101,178	3,277,218,658	3,277,218,658
Tổng cộng	292,814,232,694	374,154,557,816	838,281,709,434	813,136,689,584	327,169,768,977	327,169,768,977

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm 2015 VND			Năm 2014 VND		
	Tổng thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm (10)	11,833,163,301	582,552,739	11,250,610,562	6,507,033,323	860,229,776	5,646,803,547
Tổng cộng	11,833,163,301	582,552,739	11,250,610,562	6,507,033,323	860,229,776	5,646,803,547

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 523.14.004.369260/467484/320801.TD ngày 13/09/2014. Hạn mức tín dụng là 22.727.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay tối đa 06 tháng; Lãi suất của khoản vay là lãi suất cố định hoặc lãi suất thả nổi; lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Ngày đáo hạn cuối cùng tối đa 06 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên được quy định trên từng khế ước nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là bất động sản, máy móc thiết bị, hàng tồn kho với tổng giá trị tài sản bảo đảm là 382.133.210.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 159.13.004.369260.TD.DN ngày 14/5/2013, hạn mức 25.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị với tổng giá trị tài sản thế chấp là 303.749.000.000 đồng; và hợp đồng số 523.14.004.369260/467484/320801.TD ngày 13/09/2014. Hạn mức tín dụng là 22.727.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay tối đa 06 tháng; Lãi suất của khoản vay là lãi suất cố định hoặc lãi suất thả nổi; lãi suất tại thời điểm giải ngân được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Ngày đáo hạn cuối cùng tối đa 06 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên được quy định trên từng khế ước nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là bất động sản, máy móc thiết bị, hàng tồn kho với tổng giá trị tài sản bảo đảm là 382.133.210.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 271.12.004.369260.TD.DN ngày 05/10/2012, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để thanh toán tiền mua 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile và 01 máy trộn và mục đích khác nếu được ngân hàng chấp nhận trước thời điểm giải ngân khoản vay đó. Tài sản đảm bảo là 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile theo hợp đồng số DAG-NW 12.02 ngày 21/9/2012, và 01 máy trộn theo Hợp đồng số DA-NW 12.01 ngày 26/7/2012 theo hợp đồng thế chấp số 272.12.004.369260.TC.DN.

(2) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số HKI- HĐTD/14168 ngày 22/09/2014 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 VND, lãi suất tại thời điểm giải ngân và thời hạn vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản bảo đảm là 02 dây chuyền sản xuất thanh profile, hiệu JH (Jinhu)

model SJZ65/132+ YF240A, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa lô đất số D2, khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội với tổng giá trị tài sản bảo đảm là 63.237.900.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTD/13113 ngày 05/8/2013 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Lãi suất 9,5%/ năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng, mục đích theo từng lần cấp tín dụng, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á địa chỉ Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; và 02 dây truyền sản xuất thanh Profile của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lắp đặt tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại địa chỉ Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/13114 ngày 02/08/2013.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Shinhanbank theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

(4) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 11032014/CMB/VPB-TĐNĐA/01 ngày 11/3/2014, giá trị hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác.

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1186228/NHUADONGA-VPBANK ngày 22/12/2014, giá trị hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác. Phụ lục ngày 24/12/2015 về việc thay đổi thời hạn của hạn mức tín dụng. Thời hạn mới của hạn mức tín dụng: Tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 24/02/2016.

(5) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng United Overseas Bank Limited - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 10220150626-01 ngày 26/06/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD, lãi suất cho vay thời hạn tối đa không quá 6 tháng là 2,25%/năm, lãi suất cho vay tối đa 48 tháng là 3,5%/năm, mục đích vay để mở LC dành cho nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa và máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản đảm bảo khác. Phụ lục số UOB/HCMC/CCOD-030 ngày 02/07/2015 về việc thay đổi phí lần đầu, từ 3.000 USD xuống còn 1.500 USD.

(6) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 088DN91/2015/HĐTD/VIB-NHUADONGA ngày 28/07/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng,

mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động, tài sản đảm bảo là các mặt hàng nhập khẩu và các tài sản đảm bảo khác.

(7) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2015/7610660/HĐTD ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 30/06/2015, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, tài sản đảm bảo là bất động sản đầu tư và tài sản cố định của đơn vị.

(8) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2015/7610660/HĐTD ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay kỳ đầu 8,8%/năm, lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày kể từ ngày đầu rút vốn, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư nhà máy sản xuất, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.

(9) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1523100133/HĐTD ngày 19/08/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 658.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 60 tháng, mục đích vay mua tài sản cố định, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.

Nợ thuê tài chính theo các hợp đồng sau:

(10) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00128-000, số 2013-00129-000 và số 2014-00164-000 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy ép thanh nhựa, máy lạnh - tháp tản nhiệt-máy bơm, máy đùn thanh nhựa PVC profile với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 9,54%/năm đến 10,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.

và Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2005/TSC - CTTC ngày 14/12/2015 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê Dây chuyền đùn Theysohn CON 63, Dây chuyền đùn Theysohn TTS 88, Dây chuyền đùn Theysohn CON 50 với thời hạn thuê 72 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 8,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 26.000.000 đồng.

(11) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2005/TSC - CTTC ngày 14/12/2015 với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam về thuê Dây chuyền đùn Theysohn CON 63, Dây chuyền đùn Theysohn TTS 88, Dây chuyền đùn Theysohn CON 50 với thời hạn thuê 72 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 8,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 26.000.000 đồng.

(12) Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 13.11.03/CTTC ngày 25/10/2011. Tài sản thuê là máy phụ trợ sản xuất thanh profile đồng bộ và 7 khuôn mẫu profile đồng bộ, trị giá gốc tính cho thuê là 2.732.730.000 VNĐ. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 48 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng

một lần. Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,3%/tháng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 13.11.05/CTTC ngày 28/12/2011. Tài sản thuê là một dây chuyền sản xuất vật liệu tấm nhôm nhựa tổng hợp Composite, trị giá gốc tính cho thuê là 6.655.587.400 đồng. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,3%/tháng.

18. Trái phiếu phát hành

18.1. Trái phiếu chuyển đổi

a. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ:

– Thời điểm phát hành tháng 12/2012, kỳ hạn gốc 3 năm và kỳ hạn còn lại của trái phiếu chuyển đổi 12 tháng

– Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi:

Công ty Liên doanh Shide Việt Nam (3) 27

Japan South East Asia Growth Fund L.P. (4) 80

– Mệnh giá trái phiếu: 500.000.000 đồng, lãi suất trái phiếu chuyển đổi 6%/ năm;

– Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi; 1 trái phiếu mệnh giá 500.000.000 đồng được chuyển đổi thành 37.037 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng

– Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi 6%/ năm;

b. Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ: 0

c. Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ: 0

d. Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ: 0

e. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ

– Thời điểm phát hành tháng 12/2012, kỳ hạn gốc 3 năm, đến tháng 25/12/2015 trái phiếu chuyển đổi đã hết hạn

– Trái phiếu chuyển đổi của công ty hết hạn vào ngày 25/12/2015, Công ty đang thực hiện các thủ tục để gia hạn trái phiếu chuyển đổi căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/12/2015 về việc lấy ý kiến bằng văn bản gia hạn trái phiếu chuyển đổi.

– Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi:

Công ty Liên doanh Shide Việt Nam (3) 27

Japan South East Asia Growth Fund L.P. (4) 80

– Mệnh giá trái phiếu: 500.000.000 đồng, lãi suất trái phiếu chuyển đổi 6%/ năm;

– Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi; 1 trái phiếu mệnh giá 500.000.000 đồng được chuyển đổi thành 37.037 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng

– Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi 6%/ năm;

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	137,500,000,000	4,050,000,000	-	23,976,577,091	165,526,577,091
Tăng vốn trong năm trước	-	70,500	-	-	70,500
Lãi trong năm trước	-	-	-	29,565,078,784	29,565,078,784
Trích lập các quỹ	-	-	-	(7,460,549,171)	(7,460,549,171)
Chia cổ tức	-	-	-	(13,749,979,000)	(13,749,979,000)
Giảm khác	-	-	-	(1,748,513,706)	(1,748,513,706)
Số dư tại ngày 31/12/2014	137,500,000,000	4,050,070,500	-	30,582,613,998	172,132,684,498
Tăng vốn trong năm nay	261,400,000,000	4,303,125,000	(2,100,000)	-	265,701,025,000
Lãi trong năm nay	-	-	-	40,394,022,558	40,394,022,558
Trích lập các quỹ	-	-	-	(15,582,840,602)	(15,582,840,602)
Tăng khác	-	-	-	304,329,155	304,329,155
Cổ tức chi trả	-	-	-	(25,874,910,000)	(25,874,910,000)
Giảm khác	-	(331,274,061)	-	(16,674,115)	(347,948,176)
Số dư tại ngày 31/12/2015	398,900,000,000	8,021,921,439	(2,100,000)	29,806,540,994	436,726,362,433

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguyễn Bá Hùng	120,322,680,000	44,074,250,000
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	95,547,930,000	34,999,250,000
Công ty TNHH TM&SX Tam Sơn	1,787,500,000	13,750,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư FIT	12,375,000,000	-
Cổ đông khác	168,866,890,000	44,676,500,000
Tổng cộng	398,900,000,000	137,500,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	398,900,000,000	137,500,000,000
Vốn góp đầu kỳ	137,500,000,000	137,500,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	261,400,000,000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	398,900,000,000	137,500,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25,874,910,000	13,749,979,000

d. Cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,890,000	13,750,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,890,000	13,750,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39,890,000	13,750,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	210	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	210	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,889,790	13,750,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39,889,790	13,750,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu	-	-

e. Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2015	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	13,331,991,423	13,341,575,745	2,316,690,041	24,356,877,127
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4,160,836,658	2,217,380,909	459,806,921	5,918,410,646
Tổng cộng	17,492,828,081	15,558,956,654	2,776,496,962	30,275,287,773

• Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế, được đơn vị trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán thành phẩm	714,857,793,725	668,757,640,347
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	31,327,768,814	45,730,575,551
Doanh thu bán hàng hóa	507,236,076,202	390,515,956,876
Doanh thu khác	579,182,288	4,437,925,604
Tổng cộng	1,254,000,821,029	1,109,442,098,378

b. Doanh thu các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh VIII.2

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chiết khấu thương mại	-	1,333,580,127
Hàng bán bị trả lại	-	143,512,764
Tổng cộng	-	1,477,092,891

3. Giá vốn hàng bán:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán thành phẩm	633,804,145,588	597,081,669,586
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	21,978,643,435	31,266,430,097
Giá vốn bán hàng hóa	494,109,775,942	383,993,772,695
Giá vốn của hoạt động khác	-	3,651,819,109
Tổng cộng	1,149,892,564,965	1,015,993,691,487

4. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68,932,487	20,475,404
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,333,698,804	190,061,156
Doanh thu hoạt động tài chính khác	422,605	-
Tổng cộng	1,403,053,896	210,536,560

5. Chi phí tài chính:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	27,712,799,527	31,047,331,132
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,193,112,343	350,585,643
Chi phí tài chính khác	22,967	-
Tổng cộng	28,905,934,837	31,397,916,775

6. Thu nhập khác:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, bán phế liệu	101,758,000	161,050,356
Các khoản thu nhập khác	726,849,077	2,125,738,833
Tổng cộng	828,607,077	2,286,789,189

7. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi nộp phạt hành chính thuế	1,082,904,253	-
Chi phí từ thanh lý tài sản	167,860,017	64,137,910
Chi phí khác	155,143,495	737,489,732
Tổng cộng	1,405,907,765	801,627,642

8. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>a, Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	19,785,112,195	18,628,087,751
Chi phí nhân viên quản lý	6,955,379,434	7,201,925,839
Chi phí vật liệu quản lý	8,774,632	65,534,213
Chi phí đồ dùng văn phòng	293,041,743	654,848,236
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,031,457,677	2,795,358,742
Thuế, phí và lệ phí	90,126,123	98,562,588
Chi phí dự phòng	1,090,826,183	141,169,108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,421,294,814	5,695,373,851
Chi phí bằng tiền khác	6,894,211,589	1,975,315,174
<i>b, Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	11,832,384,629	10,870,822,894
Chi phí nhân viên	5,129,890,250	5,691,287,370
Chi phí vật liệu, bao bì	479,860,706	20,955,042
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25,210,845	503,359,021
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,296,896,326	599,607,346
Chi phí bảo hành	195,838,626	45,876,186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,920,737,688	2,305,574,014
Chi phí bằng tiền khác	1,783,950,188	1,704,163,915

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	677,915,459,487	656,075,626,603
Chi phí nhân công	20,251,462,760	24,044,215,004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19,082,582,143	17,229,513,409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,532,256,095	23,529,922,581
Chi phí bằng tiền khác	8,849,017,214	6,675,225,193
Tổng cộng	750,630,777,699	727,554,502,790

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40,394,022,558	29,565,078,784
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40,394,022,558	29,565,078,784
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23,826,685	13,750,000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,695	2,150

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Thông tin bổ sung cho các khoản tiền tệ:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	25,874,910,000	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản vay tại thời điểm kết thúc năm tài chính.	-	221,694,265

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	660,772,496,634	661,750,482,556

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	683,877,422,355	647,199,683,759
Tiền trả nợ thuê tài chính	11,250,610,562	0

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan:

2.1. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn
Nguyễn Bá Hùng
Trần Thị Lê Hải

Mối quan hệ với Công ty

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ
Phó chủ tịch HĐQT

2.2. Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	206,541,659,064	240,588,673,053
Mua hàng		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	74,008,235,749	22,111,865,666
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn	111,492,156,457	278,737,456,100
Tạm ứng		
Ông Nguyễn Bá Hùng	67,094,073,818	-

2.3. Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập Ban Tổng giám đốc	677,678,739	695,916,003
Tổng cộng	677,678,739	695,916,003

2.4. Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	17,074,054,280	10,405,584,623
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn	-	28,114,888,789
Phải trả khác		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	-	8,364,820,750
Trần Thị Lê Hải	939,600,000	900,000,000
Nguyễn Bá Hùng	11,475,200,000	11,000,000,000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn	-	3,286,250,000
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	7,081,499,164	2,070,016,312
Phải thu khác		
Nguyễn Bá Hùng	67,094,073,818	-

3. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là sản xuất, mua bán các vật tư, thiết bị ngành nhựa và thi công các công trình dân dụng, công nghiệp. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày
31/12/2015**

	Sản xuất	Thương mại	Thi công công trình	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	549,650,552,757	795,674,745,171	219,694,432,164	(615,014,755,945)	950,004,974,147
Tổng tài sản hợp nhất	549,650,552,757	795,674,745,171	219,694,432,164	(615,014,755,945)	950,004,974,147
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	336,437,794,957	352,533,714,172	180,168,921,790	(386,137,106,978)	483,003,323,941
Tổng nợ phải trả hợp nhất	336,437,794,957	352,533,714,172	180,168,921,790	(386,137,106,978)	483,003,323,941

**Bảng cân đối kế toán tại ngày
01/01/2015**

	Sản xuất	Thương mại	Thi công công trình	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	425,495,527,122	496,762,135,805	209,117,018,323	(336,917,462,110)	794,457,219,140
Tổng tài sản hợp nhất	425,495,527,122	496,762,135,805	209,117,018,323	(336,917,462,110)	794,457,219,140
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	320,617,896,109	337,044,762,054	187,442,562,406	(240,270,514,008)	604,834,706,561
Tổng nợ phải trả hợp nhất	320,617,896,109	337,044,762,054	187,442,562,406	(240,270,514,008)	604,834,706,561

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm 2015

	Sản xuất	Thương mại	Thi công công trình	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	754,622,945,068	343,902,157,945	245,421,123,319	(89,945,405,303)	1,254,000,821,029
Doanh thu hoạt động tài chính	135,872,460	31,184,605,916	2,186,932	(29,919,611,412)	1,403,053,896
Chi phí sản xuất kinh doanh	712,602,141,825	344,482,545,825	243,376,013,414	(90,044,704,438)	1,210,415,996,626
- Giá vốn hàng bán	673,569,296,931	334,088,864,969	232,179,808,368	(89,945,405,303)	1,149,892,564,965
- Chi phí tài chính	19,872,001,542	4,231,355,215	4,901,877,215	(99,299,135)	28,905,934,837
- Chi phí bán hàng	7,061,680,822	1,898,248,513	2,872,455,294	-	11,832,384,629
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,099,162,530	4,264,077,128	3,421,872,537	-	19,785,112,195
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42,156,675,703	30,604,218,036	2,047,296,837	(29,820,312,277)	44,987,878,299
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	(234,254,837)	(339,600,642)	(3,445,209)	-	(577,300,688)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	41,922,420,866	30,264,617,394	2,043,851,628	(29,820,312,277)	44,410,577,611

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	1.677.860.140	1.677.860.140
Xây dựng cơ bản dở dang	39.701.066.658	15.611.441.441
Khu công nghiệp Ngọc Hồi – Dự án Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	1.525.701.853	1.792.522.400
Chi phí xây dựng văn phòng chi nhánh Hà Nam	-	776.946.383
Hệ thống máy móc Hà Nam	38.175.364.805	13.041.972.658
Tổng cộng	41.378.926.798	17.289.301.581

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lãi lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh phần IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.122.324.291	5.598.230.684
Phải thu khách hàng và phải thu khác	212.801.178.204	156.969.276.346
Tổng cộng	225.923.502.495	162.567.507.030
Công cụ nợ tài chính		
Các khoản vay	346.314.232.694	380.669.768.977
Phải trả người bán và phải trả khác	116.568.567.422	163.495.081.940
Chi phí phải trả	1.279.922.096	2.748.598.122
Tổng cộng	464.162.722.212	546.913.449.039

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	56.235.169.299	4.124.466.480	3.343.064.220	13.116.821.841

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của Công ty vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoạt động không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính chi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	116.013.567.422	555.000.000	116.568.567.422
Chi phí phải trả	1.279.922.096	-	1.279.922.096
Các khoản vay	206.946.469.972	139.367.762.722	346.314.232.694
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	163.390.081.940	105.000.000	163.495.081.940
Chi phí phải trả	2.748.598.122	-	2.748.598.122
Các khoản vay	310.262.645.148	70.407.123.829	380.669.768.977

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi suất từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.598.230.684		5.598.230.684
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.412.180.697		125.412.180.697
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.301.958.353		15.301.958.353
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.349.633.710		108.349.633.710

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với Thông tư 200 và Thông tư 202. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2014		
	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Các khoản phải thu khác	4,092,829,357	(4,092,829,357)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	34,905,115,620	34,905,115,620
Tài sản ngắn hạn khác	30,812,286,263	(30,812,286,263)	-
Tài sản dài hạn khác	744,809,386	(744,809,386)	-
Phải thu dài hạn khác	-	744,809,386	744,809,386
Vay và nợ ngắn hạn	310,262,645,148	(310,262,645,148)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	310,262,645,148	310,262,645,148
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27,463,457,331	(27,463,457,331)	-
Phải trả ngắn hạn khác	-	27,463,457,331	27,463,457,331
Vay và nợ dài hạn	70,407,123,829	(70,407,123,829)	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	16,907,123,829	16,907,123,829
Trái phiếu chuyển đổi	-	53,500,000,000	53,500,000,000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	137,500,000,000	(137,500,000,000)	-
Vốn góp của chủ sở hữu	-	137,500,000,000	137,500,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	6,721,537,760	6,610,453,663	13,331,991,423
Quỹ dự phòng tài chính	6,610,453,663	(6,610,453,663)	-

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2016

Thay mặt và đại diện cho
CTY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Bá Hùng